

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2018





MỤC LỤC

| | | | |
|-------------------------------|----|-----------------------------|----|
| THÔNG TIN CHUNG | 04 | BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 40 |
| TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 20 | BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 46 |
| TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ | 28 | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 52 |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 36 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 58 |

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: : TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG – CTCP
Tên tiếng Anh: : VIET THANG CORPORATION
Tên viết tắt: : VICOTEX
Giấy chứng nhận
đăng ký doanh
nghiệp: : 0301445210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí
Minh cấp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/07/2015
Vốn điều lệ: : 210.000.000.000 đồng
Trụ sở chính số: : 127 Lê Văn Chí, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí
Minh
Số điện thoại: : (84 – 8) 3896 9337 – 3896 0542 – 3896 0543
Số fax: : (84 – 8) 3896 9319
Website: : www.vietthang.com.vn
Email : vietthang@vietthang.com.vn
Mã chứng khoán: : TVT

Logo công ty :



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 3241/QĐ-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006066, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301445210 ngày 21 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Năm 1975: Công ty được Nhà nước tiếp quản, quốc hữu hóa, giao cho Bộ Công nghiệp nhẹ tiếp nhận, quản lý và duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh cho đến nay.



Năm 2016: Tiến hành chốt danh sách cổ đông để thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2017: Cổ phiếu Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu TVT.



Chuyển đổi thành Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Tiền thân

1975

2006 - 2007

2009

2014

2016 - 2017

2018

Nguyên trước năm 1975 là hãng Dệt Việt Mỹ kỹ nghệ Dệt, Sợi công ty (VIMYTEX), được xây dựng năm 1960, đưa vào hoạt động từ năm 1962 do một số nhà Tư bản trong nước và nước ngoài góp vốn chuyên sản xuất : Sợi, Dệt và In Nhuộm hoàn tất



Năm 2007: Công ty được cổ phần hóa, chuyển thành Công ty cổ phần Dệt Việt Thắng với 52,3 % vốn Nhà nước.



Tổng Công ty đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Tổng giá trị đầu tư máy móc thiết bị trong năm hơn 21 tỷ đồng.



Tổng Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, tăng cường đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Thu hút nguồn khách hàng tiềm năng.

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

- Huân chương Lao động Hạng nhất, Hạng 2, Hạng 3
- Huân chương độc lập hạng 3
- Nhiều cờ thi đua, Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ, UBND TP. HCM, Bộ Công Thương và Tập Đoàn dệt may Việt Nam.
- Hệ thống quản lý: ISO 9002, ISO 14001, SA 800
- Danh hiệu: Hàng Việt Nam Chất lượng cao, thương hiệu mạnh Việt Nam. Đạt nhiều giải thưởng tại các kỳ hội chợ trong và ngoài nước. Là doanh nghiệp tiêu biểu nhất ngành Dệt Việt Nam nhiều năm liền.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



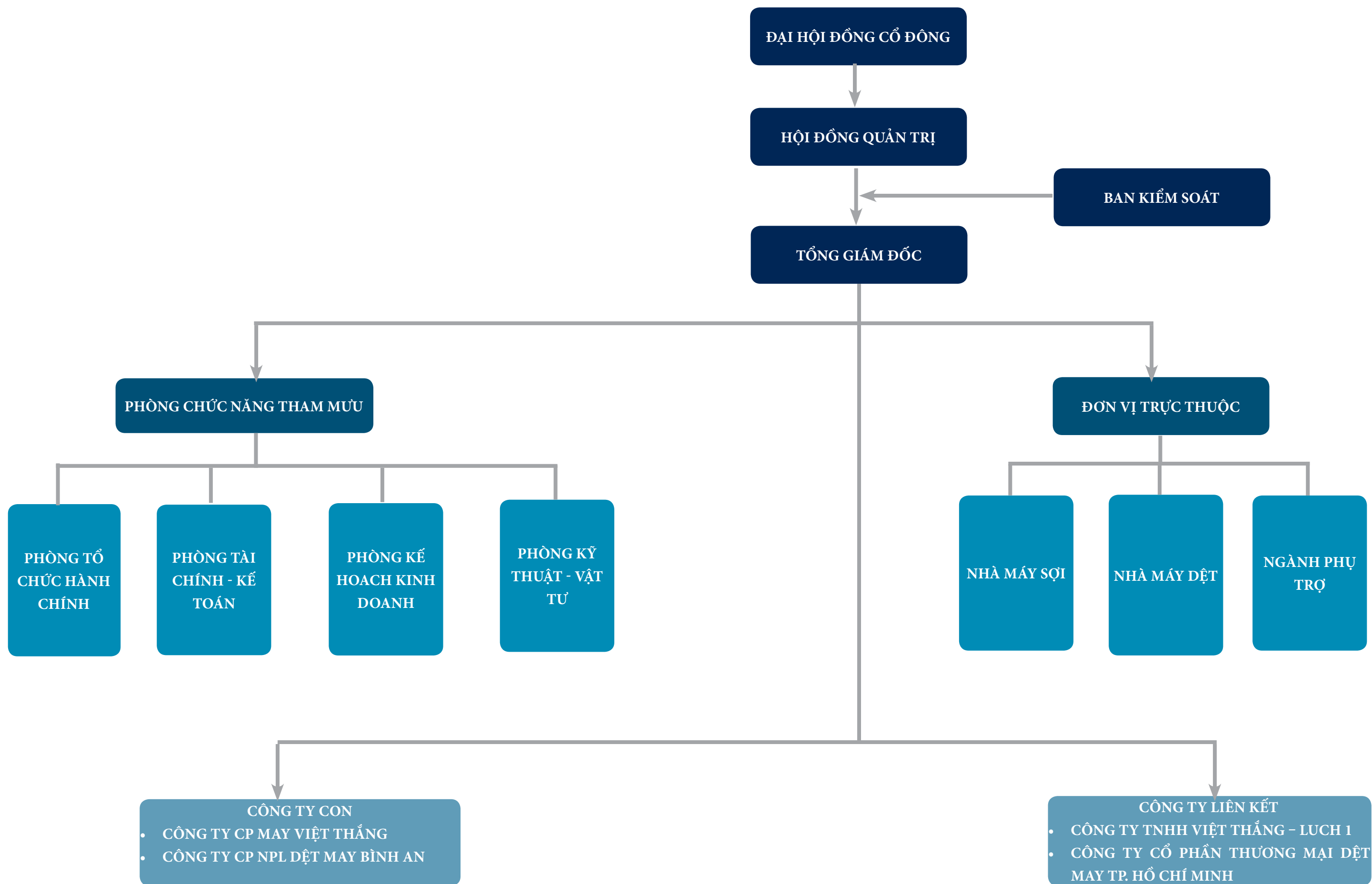
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, mua bán sản phẩm bông , xơ , sợi vải , sản phẩm may mặc.
- Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, hoá chất, nguyên vật liệu ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Lắp đặt máy móc thiết bị ngành công nghiệp.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Thị trường trong nước
- Thị trường nước ngoài: Mỹ, Nhật, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Colombia, Thổ Nhĩ Kỳ,

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

Công ty cổ phần may Việt Thắng

- Địa chỉ : 127 Lê Văn Chí, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- ĐT : (84 – 8) 8975 641
- Fax : (84 – 8) 8961 703
- Email: imexvietthang@hcm.vnn.vn
- Website: vigaco.com.vn
- Vốn thực góp: 10,45 tỷ đồng
- Tỷ lệ vốn góp: 52,27%

Ngành nghề chính:

- Sản xuất và thương mại các sản phẩm dệt, may và nguyên phụ liệu ...
- Gia công may, in trên vải, thêu giặt chống nhàu.
- Sản xuất áo sơ mi nam nữ, Quần áo mùa đông, trang phục thể thao, chăn – Drap – Gối, Áo ngủ, đồng phục.
- Thương mại: mua bán nguyên phụ liệu, hóa chất, phụ tùng máy móc ngành dệt may.



Công ty cổ phần may Việt Thắng

- Tên tiếng Anh: BINH AN GARMENT TEXTILE MATERIAL ACCESSORIES JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: BINH AN TEXCO
- Địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84 – 8) 7 222 977
- Fax: (84 – 8) 7 222 978
- Website: www.binhantexco.com
- Vốn thực góp: 64,98 tỷ đồng
- Tỷ lệ vốn góp: 58,55%

Ngành nghề chính:

- Sản xuất và cung cấp vải, sợi nhuộm màu các loại.
- Gia công, tẩy trắng, in nhuộm và hoàn tất các loại vải.
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa chất thuốc nhuộm.



CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH Việt Thắng – Luch 1

- Tên giao dịch: VIET THANG - LUCH 1 CO.,LTD
- Địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84 – 8) 3897 4426
- Fax: (84 – 8) 3897 4427
- Website: www.vicoluch.vn
- Vốn thực góp: 6,03 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 50%

Ngành nghề chính:

- Sản xuất hàng may mặc



Công ty cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh

- Tên tiếng Anh: VINATEX TRADING JOINT STOCK CORPORATION HCMC
- Tên viết tắt: VINATEX HCMC
- Địa chỉ: 96 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3 829 3649
- Fax: (84-8) 3 829 4521
- Website: http://www.vinatexhcmc.com.vn
- Vốn thực góp: 9 tỷ đồng
- Tỷ lệ vốn góp: 20%

Ngành nghề chính:

- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị, phụ tùng, thuốc nhuộm và các thành phẩm cuối cùng của ngành dệt may.
- Kinh doanh và kiểm nghiệm chất lượng bông, xơ phục vụ cho sản xuất kinh doanh và nghiên cứu khoa học.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm các chi phí về năng lượng, nước, vật tư phụ tùng thay thế, nguyên vật liệu và hoá chất.
- Không ngừng tìm kiếm, mở rộng và phát triển thị trường, tạo dựng mối quan hệ giao thương bền vững với các bạn hàng trong nước và quốc tế, thông qua việc tham gia các diễn đàn thương mại hay hội chợ triển lãm để quảng bá sản phẩm của Công ty một cách rộng rãi.
- Tích cực phát huy những kinh nghiệm quý giá đã được tích lũy trong nhiều năm cùng với những chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, sự điều hành, quản lý linh hoạt của ban Tổng giám đốc, phối hợp với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, công nhân lành nghề góp phần giúp Công ty xây dựng nên một thương hiệu có tầm vóc uy tín lớn trên trường trong nước và thế giới.
- Luôn chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về pháp luật mà nhà nước đã ban hành. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng với các tiêu chuẩn quốc tế mà Công ty đã đạt được trong nhiều năm qua. Giữ vững vị thế là một trong những doanh nghiệp Dệt may hàng đầu đất nước.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại, mở rộng nhà máy kho bãi để nâng cao năng suất cũng như chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một gắt gao của thị trường, tạo cơ hội cạnh tranh quyết liệt với các đối thủ cùng ngành.
- Phát triển thêm nhiều sản phẩm có mẫu mã sáng tạo, độc đáo, thiết kế tinh tế hiện đại phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, thu hút sự quan tâm của khách hàng bằng cách xây dựng các chương trình marketing, chiến lược quảng bá sản phẩm rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Tập trung khai thác và chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu, mở rộng kênh phân phối, đánh giá đúng năng lực của các đối thủ cạnh tranh, nhằm hạn chế những rủi ro và đảm bảo sự phát triển bền vững.
- Duy trì đội ngũ cán bộ công nhân viên có thâm niên làm việc lâu năm, lành nghề, đồng thời tuyển dụng, đào tạo thêm nhiều nhân sự trẻ, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp, không ngừng học hỏi trao đổi bản thân, phát huy được năng lực cá nhân của mình trong mọi hoàn cảnh.
- TVT luôn nỗ lực xây dựng một tinh thần tương thân tương ái trong tập thể Tổng công ty nói riêng cũng như trong cộng đồng toàn xã hội nói chung góp phần tạo nên một môi trường làm việc thân thiện, gắn gũi cho mọi người.



Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

- Bảo vệ môi trường luôn là vấn đề trọng yếu được TVT đặt lên hàng đầu, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phải tránh gây ra ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước, xây dựng các biện pháp hạn chế và giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường; Luôn tuân thủ, chấp hành các quy định, chính sách về môi trường mà nhà nước đã đề ra.
- TVT luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh lành mạnh, hiệu quả, tạo công ăn việc làm và mức thu nhập ổn định cho người lao động. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên bằng nhiều phong trào, các chương trình giải trí, các hình thức thi đua,...tạo nên bầu không khí làm việc sôi nổi, động viên tinh thần cao để mọi người cùng nhau tham gia sản xuất, đóng góp vào sự phát triển chung của Tổng công ty.
- Tổ chức phối hợp với các bệnh viện để khám sức khỏe tổng quát cho toàn thể lao động trong công ty nhằm thể hiện sự quan tâm của ban Lãnh đạo đối với sức khỏe của người lao động; giúp công nhân lao động phát hiện sớm và điều trị bệnh kịp thời, góp phần đảm bảo và nâng cao sức khỏe, tăng năng suất lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và ổn định cuộc sống.
- TVT luôn tích cực tham gia các công tác xã hội với ngành, địa phương, đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ các chương trình vì Hoàng Sa, Trường Sa, quỹ vì người nghèo, quỹ từ thiện sách nói cho người mù, hỗ trợ trung tâm nuôi trẻ mồ côi, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, hỗ trợ xây nhà tình thương cho công nhân,...thể hiện tốt tinh thần vì cộng đồng.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu năm 2017 đã tạo ra những bước đột phá về tăng trưởng kinh tế trong những tháng đầu năm 2018. Tuy nhiên, sự căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình tăng trưởng kinh tế toàn thế giới. Các nền kinh tế ở các nước phát triển vẫn tăng trưởng với tốc độ mạnh mẽ, nhưng đang có xu hướng chậm lại ở nhiều nước.

Những bất ổn về chính trị, xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại, các cải cách về thuế dự kiến sẽ ảnh hưởng xấu tới xu hướng đầu tư toàn cầu. Tuy nhiên, nhìn chung, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2018 tiếp tục được duy trì ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, các doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường.

Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm có xu hướng giảm dần. An sinh xã hội được quan tâm thực hiện, thúc đẩy phát triển các ngành, các lĩnh vực, đẩy mạnh các hoạt động giao thương sản xuất trong và ngoài nước.

Với bối cảnh hiện nay, tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2017, ngành dệt may Việt Nam đang có đà tăng trưởng rất tốt và ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,08% so với năm 2017, mức tăng cao nhất trong 11 năm qua. Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phần nào đã tác động mạnh mẽ đến ngành dệt may Việt Nam, buộc ngành này phải thay đổi cơ cấu và đầu tư mạnh hơn về đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đầu tư vào thiết kế để tăng tính tự động hóa trong quy trình sản xuất chung. Bên cạnh đó, cuộc đối đầu giữa Mỹ và Trung Quốc đã mở ra cơ hội lớn cho ngành dệt may Việt Nam, khi Trung Quốc là quốc gia chiếm thị phần xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất vào Mỹ nhưng lại bị Mỹ áp một mức thuế khá cao và rất khó có thể cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành là Việt Nam hay Bangladesh. Đây sẽ là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng và gia tăng thị phần của mình.

Ngoài ra, ngành dệt may Việt Nam đang đón nhận những tín hiệu lạc quan từ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên. Đây sẽ là một bước ngoặt mang tính triển vọng cao mới đối với nền thương mại toàn cầu nói chung và ngành sản xuất may mặc của Việt Nam nói riêng.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Với vị thế là một trong bốn quốc gia có giá trị xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất trên toàn thế giới. Đặc thù ngành dệt may của Việt Nam nói chung và TVT nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố nguyên vật liệu đầu vào. Tỷ trọng xuất khẩu tăng cao nhưng sản lượng nguyên vật liệu từ bông, tơ sợi được trồng tự nhiên vẫn không thể đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất. Bên cạnh đó, giá dầu thô tăng cũng kéo theo sự tăng giá nguyên liệu đầu vào đối với lĩnh vực sản xuất sợi tổng hợp, làm cho các nguyên liệu này trở nên đắt đỏ hơn. Đồng thời, nhu cầu về chất nhuộm để phục vụ sản xuất cũng ngày một tăng cao.



RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Nhưng trong những năm gần đây, vấn đề biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường càng trở nên nghiêm ngặt khiến việc gia nhập ngành dệt nhuộm càng khó khăn. Tuy nhiên với phương châm luôn cố gắng duy trì và xây dựng các mối quan hệ hợp tác phát triển bền vững với bạn hàng và nhà cung cấp nên TVT vẫn luôn đảm bảo được số lượng, chất lượng cũng như tính ổn định của các nguồn nguyên liệu nhập khẩu này, giúp Tổng công ty đảm bảo được năng suất sản xuất kinh doanh và xuất khẩu hàng năm.

RỦI RO VỀ NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ TIẾN BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

RỦI RO VỀ LAO ĐỘNG

Kinh tế ngày càng phát triển đồng nghĩa với việc nguồn nhân lực ngày càng khan hiếm, trong khi đó, ngành dệt may còn là một trong những ngành nghề thâm dụng lao động nhất, chi phí lao động và chất lượng lao động quyết định lớn tới việc lựa chọn bên sản xuất hàng dệt may. Vì vậy, các công ty cùng ngành nói chung hay TVT nói riêng đều đang rất chú trọng đến việc đào tạo cũng như tuyển dụng nguồn nhân lực cho mình. Đặc biệt, TVT đã và đang tận dụng được một đội ngũ người lao động, cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, tâm huyết, năng động, sáng tạo đáp ứng được cơ chế thị trường. Bên cạnh đó, công ty cũng đề cao các vấn đề về chính sách phúc lợi, chế độ lương thưởng, phù hợp với năng lực mỗi cá nhân góp phần trong việc thu hút người lao động.

RỦI RO VỀ TIẾN BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Công nghiệp 4.0 đang ngày càng phát triển và tác động mạnh mẽ đến nền công nghiệp hiện đại, đặc biệt ảnh hưởng nhiều nhất đến các ngành thâm dụng lao động như may mặc, điện tử. Việc áp dụng công nghệ thế hệ mới sẽ giúp cho năng suất lao động được tăng lên, sử dụng ít lao động hơn nên khoảng cách về chi phí lao động trong một sản phẩm sẽ ngày càng hẹp lại. Tuy nhiên, đây chỉ là một trong những công cụ giúp hiện thực hóa một vài nhu cầu của con người một cách hiệu quả và cũng chỉ ở những công đoạn nhất định. Vì thế, các doanh nghiệp dệt may nói chung và TVT nói riêng, cần xác định các công việc thiết yếu trong dây chuyền sản xuất, để có thể tự động hóa theo phương châm vừa áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động vừa quan tâm sử dụng nguồn lao động dồi dào của Việt Nam.





RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Để giữ vững được vị thế và uy tín trên thị trường như hiện nay, TVT luôn phải cố gắng nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh với mục tiêu an toàn và bền vững. Tổng công ty luôn tuân thủ nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật như luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, luật môi trường... các nghị định và thông tư có liên quan để kịp thời thích nghi và đáp ứng mọi yêu cầu mà chính phủ đã đề ra.

Ngoài ra, Tổng công ty còn phải chịu sự chi phối cũng như tuân thủ theo các hiệp định song phương, đa phương, các luật quốc tế nói chung để đáp ứng và thích nghi với yêu cầu của các nước đối tác hay bạn hàng nói riêng, tránh mắc phải những sai phạm không đáng có làm mất uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường luôn là vấn đề được các doanh nghiệp sản xuất đặt lên hàng đầu, vì thế, để trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững như hiện nay thì ngành dệt may Việt Nam nói chung cũng như TVT nói riêng cần đẩy mạnh công tác sử dụng các công nghệ, quy trình sản xuất sạch, tránh gây ô nhiễm nguồn nước, từng bước thực hiện nghiêm chỉnh các giải pháp quản lý môi trường, áp dụng các chế tài quản lý định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu dệt nhuộm, kiểm soát nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu, nhất là các chất trợ và thuốc nhuộm có ảnh hưởng xấu đến môi trường. Bên cạnh đó, TVT cần xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường, tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học – công nghệ nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và rào cản kỹ thuật để hội nhập kinh tế quốc tế, tạo môi trường lao động an toàn và lành mạnh cho tập thể công nhân viên.

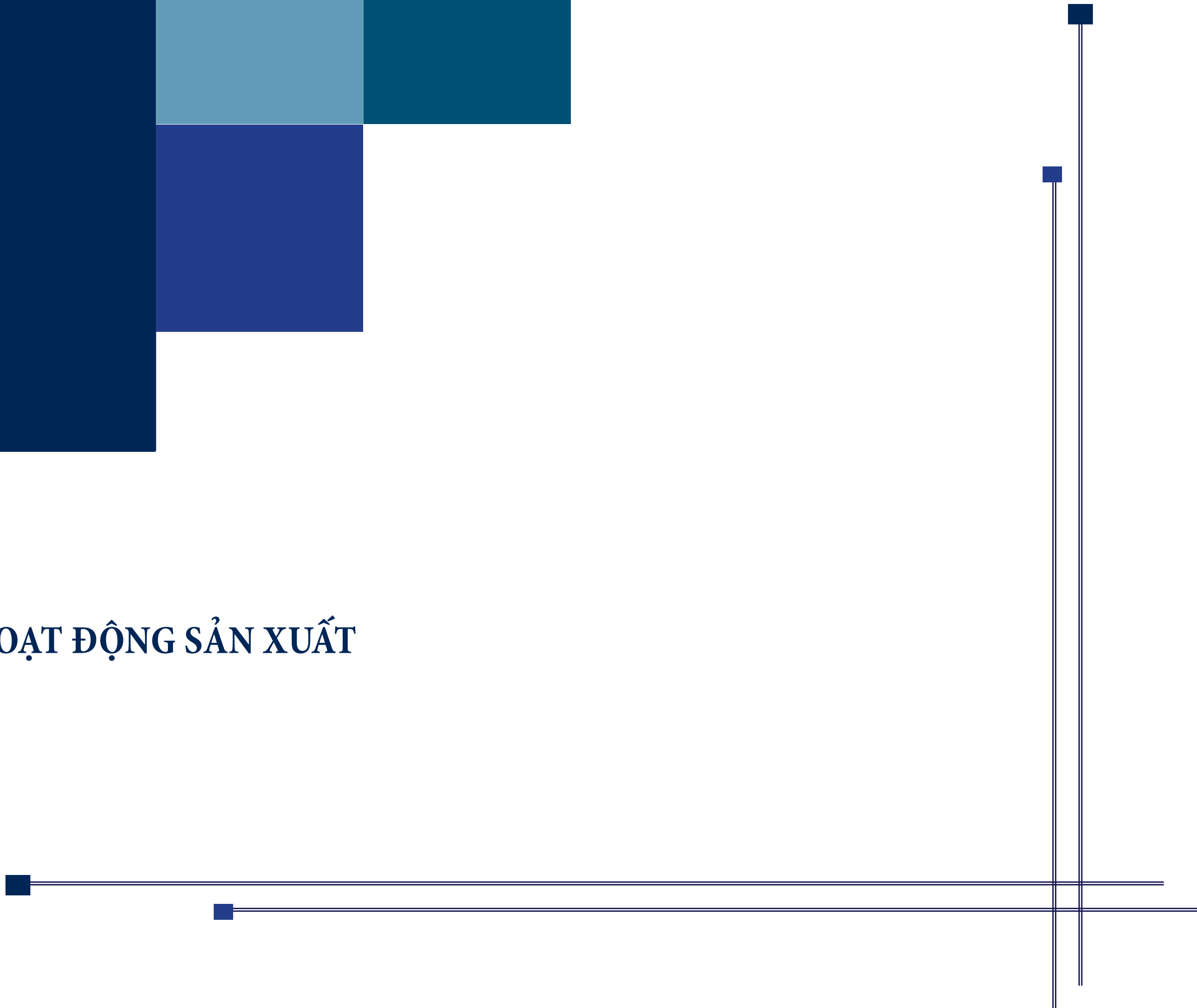
RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro kể trên, TVT còn chịu sự tác động trực tiếp của một số rủi ro có thể kể đến như rủi ro về chính sách tỷ giá, rủi ro về lãi suất, rủi ro cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành, hay những rủi ro bất khả kháng như cháy nổ, thiên tai, hỏa hoạn... Tuy nhiên với các rủi ro trên, Tổng công ty luôn có những chính sách để có thể hạn chế và kiểm soát được, đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của TVT nói riêng cũng như toàn ngành công nghiệp dệt may nói chung.





PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

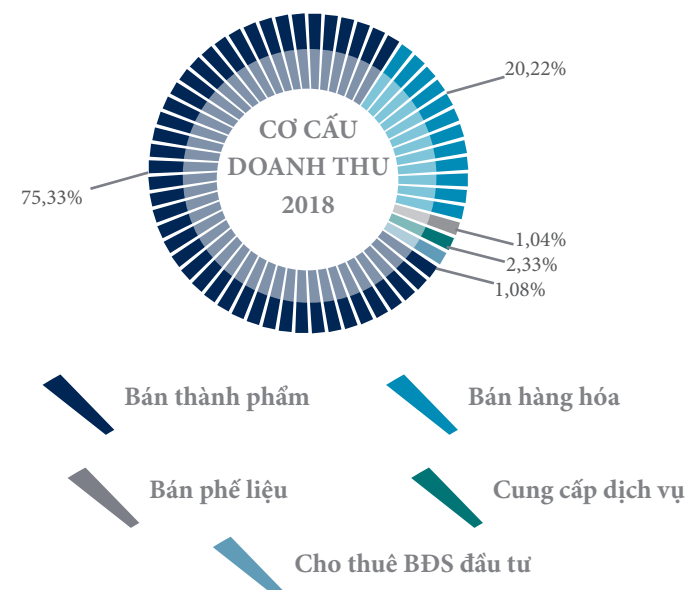
| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2018 | % Tăng/Giảm |
|----------------------|---------|-----------|-----------|-------------|
| Doanh thu | Tr.đồng | 2.533.981 | 2.335.383 | (7,8%) |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 112.908 | 127.796 | 13,19% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 90.324 | 102.494 | 13,47% |

Trong năm qua, tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty có những tiến triển khả quan hơn so với năm 2017, mặc dù tổng doanh thu có sự giảm nhẹ, còn 2.335,38 tỷ đồng đạt 92,16% so với cùng kỳ năm trước. Nhưng cơ cấu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2018 đã có sự tăng trưởng. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty đạt lần lượt là 127,79 tỷ đồng, tăng 13,19% và 102,494 tỷ đồng, tăng 13,47% so với năm 2017.

CƠ CẤU DOANH THU

| Khoản mục | ĐVT | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
|---------------------|-----------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Bán thành phẩm | Tr. Đồng | 1.832.774 | 72,34% | 1.759.273 | 75,33% |
| Bán hàng hóa | Tr. Đồng | 578.507 | 22,83% | 472.105 | 20,22% |
| Bán phế liệu | Tr. Đồng | 26.434 | 1,04% | 24.353 | 1,04% |
| Cung cấp dịch vụ | Tr. Đồng | 78.406 | 5,11% | 54.346 | 2,33% |
| Cho thuê BĐS đầu tư | Tr. Đồng | 17.860 | 1,16% | 25.306 | 1,08% |
| Tổng cộng | Tr. Đồng | 2.533.981 | 100% | 2.335.383 | 100% |

Doanh thu của Việt Thắng chủ yếu đến từ kinh doanh thành phẩm và hàng hóa. Thành phẩm của Tổng Công ty bao gồm các loại sợi, vải dệt, trong khi hàng hóa chính là các mặt hàng may mặc. Trong năm 2018 vừa qua, cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty không có sự biến động nhiều so với năm trước. Doanh thu chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn ở mảng bán thành phẩm chiếm 75,33% trong cơ cấu doanh thu. Doanh thu bán hàng hóa chiếm tỷ trọng cao thứ hai, đạt 472.105 tỷ đồng, chiếm 20,22%. Ngoài ra, các mảng doanh thu bán phế liệu, cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản cũng đóng góp hơn 4% vào tổng doanh thu năm.



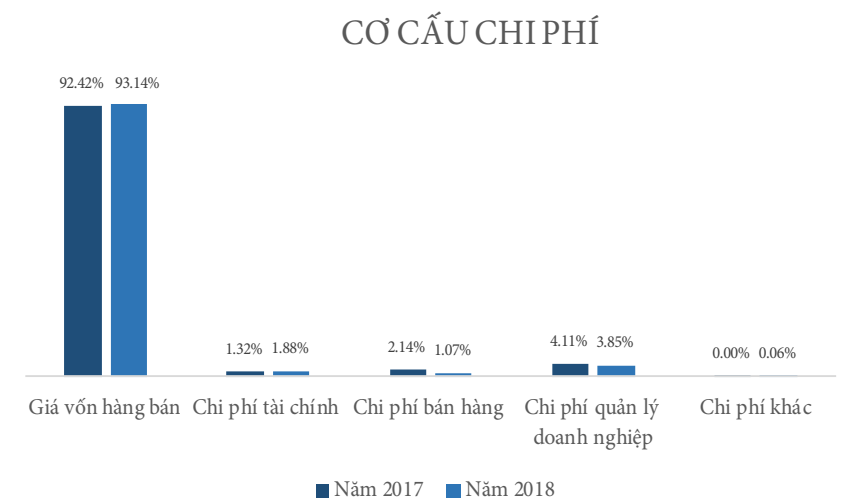
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2018

- Về sản xuất: Nhìn chung tình hình sản xuất trong năm qua của Công ty ổn định, sản lượng sản xuất trong năm 2018 về sợi và vải đều đạt 100% theo kế hoạch đề ra. Sản lượng sợi đạt 13.824 tấn, sản lượng vải đạt 69 triệu mét vuông.
- Về tiêu thụ trong nước: Các sản phẩm của Việt Thắng vẫn duy trì được chất lượng tốt và giá cả hợp lý, tình hình tiêu thụ ổn định. Tuy nhiên vẫn còn gặp khó khăn do phải cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn cùng ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với mẫu mã đa dạng, công nghệ tiên tiến, hiện đại.
- Về xuất khẩu: kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 4.4 triệu USD, bằng 50% so với năm 2017.
- Về giá thành sản xuất: So với năm trước thì nguyên liệu chính là bông, xơ, lãi suất vay VNĐ hay USD cũng ổn định, giá điện, chi phí lương, bảo hiểm xã hội không biến động nhiều. Tính chung lại giá vốn hàng bán năm nay tăng trên 3% so với năm 2017.
- Về doanh thu: Tổng doanh thu năm 2018 đạt 2.346 tỷ đồng.
- Về lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế đạt 127,79 tỷ đồng, đạt kế hoạch đề ra với năm 2018.

CƠ CẤU CHI PHÍ

| Khoản mục | ĐVT | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
|------------------------------|-----------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Giá vốn hàng bán | Tr. Đồng | 2.252.695 | 92,42% | 2.066.973 | 93,14% |
| Chi phí tài chính | Tr. Đồng | 32.170 | 1,32% | 41.691 | 1,88% |
| Chi phí bán hàng | Tr. Đồng | 52.247 | 2,14% | 23.758 | 1,07% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tr. Đồng | 100.294 | 4,11% | 85.407 | 3,85% |
| Chi phí khác | Tr. Đồng | 70 | 0,002% | 1.398 | 0,06% |
| Tổng cộng | Tr. Đồng | 2.437.476 | 100% | 2.219.227 | 100% |

Năm 2018, chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Tổng Công ty, chiếm 93,14% đạt 2.066.973 triệu đồng, giảm 8,24% so với năm 2017. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng cũng có chiều hướng giảm so với năm 2017, lần lượt đạt 3,85% và 1,07% trong cơ cấu chi phí. Tuy nhiên, trong năm qua khoản chi phí khác có sự tăng mạnh từ 70 triệu tăng đến 1.398 triệu đồng. Nhìn chung, Công ty đã có sự quản lý chi phí một cách hợp lý hơn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2018 | % Tăng giảm |
|-----------------------------------|----------|-----------|-----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | Tr. đồng | 1.557.299 | 1.605.098 | 3,07% |
| Doanh thu thuần | Tr. đồng | 2.530.522 | 2.332.056 | -7,84% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr. đồng | 104.852 | 124.902 | 19,12% |
| Lợi nhuận khác | Tr. đồng | 8.056 | 2.895 | -64,06% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 112.908 | 127.796 | 13,19% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr. đồng | 90.324 | 102.494 | 13,47% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | % | 25% | 25% | - |

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----|--|------|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - | Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,10 | 1,16 |
| - | Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,58 | 0,60 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - | Hệ số nợ/ Tổng tài sản | % | 54,86 | 54,14 |
| - | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 121,55 | 118,06 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - | Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 5,43 | 5,06 |
| - | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Vòng | 1,51 | 1,47 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 3,57 | 4,40 |
| - | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 13,61 | 14,25 |
| - | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 5,40 | 6,48 |
| - | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 4,14 | 5,36 |

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Tổng Công ty đều tăng trong những năm gần đây. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của TVT tăng lần lượt lên mức 1,16 lần và 0,60 lần so với năm 2017. Tuy nhiên hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty luôn giữ ổn định ở mức 1 lần cho thấy TVT luôn đảm bảo được khả năng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của mình. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh cũng tăng lên cho thấy doanh nghiệp luôn trữ một lượng nguyên vật liệu tồn kho đủ lớn nhằm giảm thiểu các rủi ro biến động về tỷ giá cũng như giá nguyên vật liệu nhập khẩu trên thế giới.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của TVT trong năm qua không có sự biến động nhiều so với năm 2017. Cụ thể, hệ số nợ/ tổng tài sản giảm còn 54,14% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm còn là 118,06% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm qua Công ty đã hoàn thành tốt việc thanh toán các khoản nợ vay đến hạn đồng thời các khoản phải trả cho thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi ngân hàng đến ngày đáo hạn Công ty không đủ nguồn thanh toán bị chuyển đổi thành khoản vay khoản 78 tỷ đồng. Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động và khuyến khích người lao động làm việc nên Tổng công ty đã tăng mức lương trung bình lên 9,95 triệu đồng/người/tháng làm hệ số nợ vay ngắn hạn của công ty tăng lên một khoản 8 tỷ đồng. Tuy nhiên với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh như hiện nay của TVT thì Tổng công ty vẫn giữ được khả năng tài chính của mình ở mức an toàn.

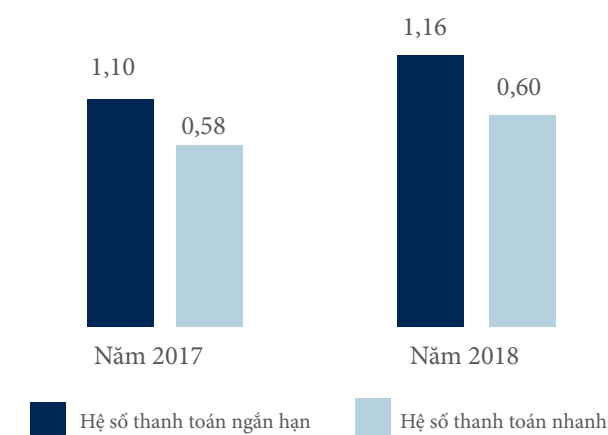
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Nhìn chung, trong năm qua giá trị tổng tài sản của TVT không có sự biến động quá lớn. Hệ số vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,51 lần xuống 1,47 lần. Vòng quay hàng tồn kho của TVT giảm nhẹ từ 5,43 lần xuống 5,06 lần nguyên nhân chủ yếu do hàng tồn kho tăng 12,69%.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 102,11 tỷ đồng, tăng 13,05% so với năm 2017, cho thấy Tổng công ty hoạt động khá tốt trong năm qua, đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm nay đều tăng hơn so với năm trước. Cụ thể, tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2018 tăng lên ở mức 4,40%. Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 14,25%, Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản là 6,48% và Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần là 5,36%.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Hệ số nợ/Tổng tài sản năm 2017

54,14%

Hệ số nợ/Tổng tài sản năm 2018

118,06%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 21.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông: 21.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21.000.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Không có

Các giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có

Các chứng khoán khác:

Không có

Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2019

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ đông | Số lượng cp nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|-----|---------------------------|------------------|---------------------|-------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 732 | 20.948.280 | 99,754% |
| | - Tổ Chức | 13 | 12.200.765 | 58,099% |
| | - Cá nhân | 719 | 8.747.515 | 41,655% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 6 | 51.720 | 0,246% |
| | - Tổ chức | 1 | 3.330 | 0,016% |
| | - Cá nhân | 5 | 48.390 | 0,230% |
| | Tổng | 738 | 21.000.000 | 100% |

Danh sách cổ đông lớn

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ phần đang nắm giữ | Tỷ lệ |
|--------------------|---------------------------|-------------------------------|---------|
| Cổ đông lớn | | | |
| 1 | Tập đoàn Dệt may Việt Nam | 9.855.000 | 46,929% |
| 2 | Công ty TNHH Tường Long | 1.075.000 | 5,119% |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2018, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Trong năm Công ty không có dự án đầu tư lớn.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2019

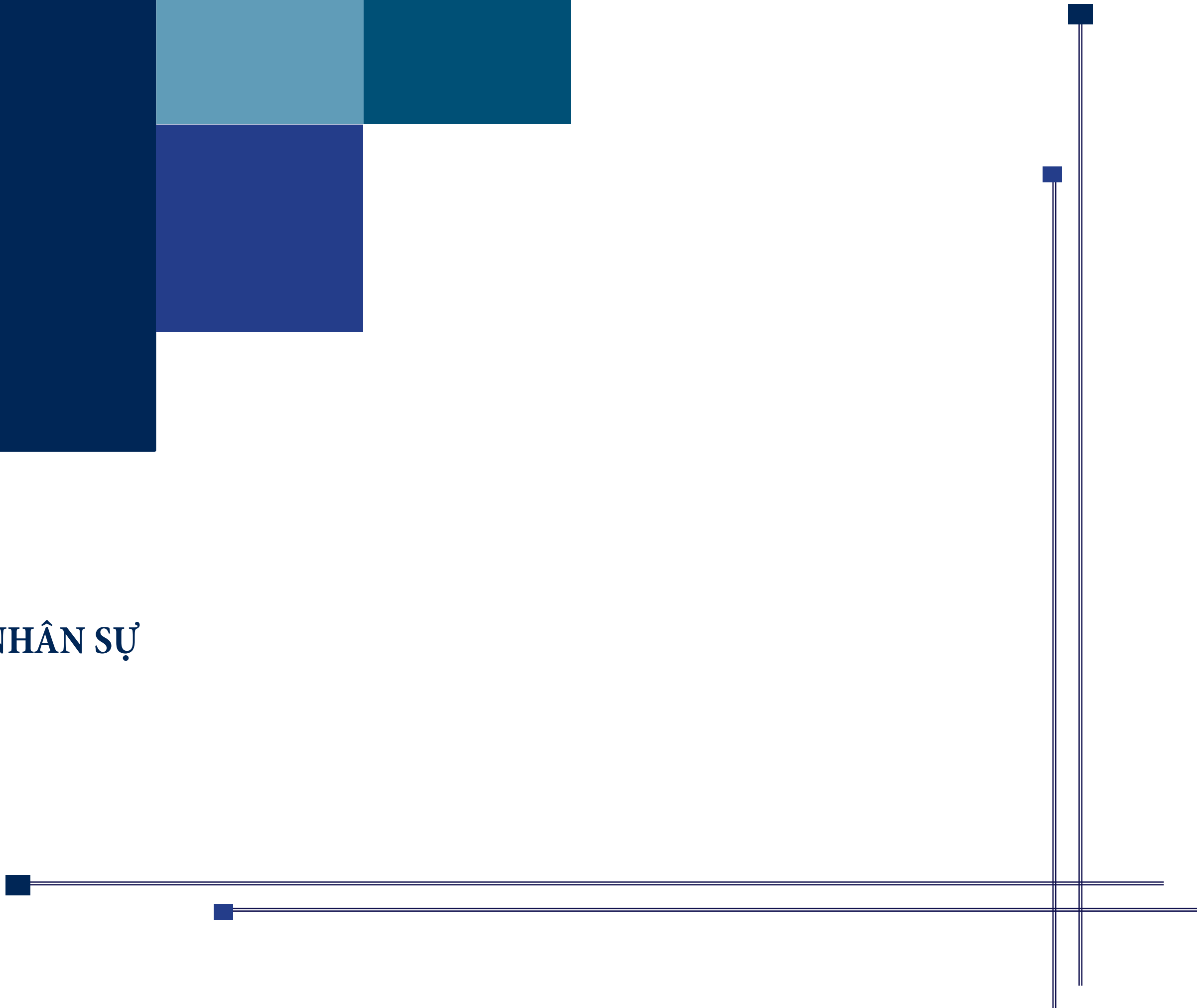
| Tên công ty | Đơn vị tính | Tỷ lệ góp | Vốn đầu tư CSH | Doanh thu năm 2018 | Lãi (+)/Lỗ (-) (sau thuế) | Tổng công ty Việt Thắng được chia |
|----------------------------------|-------------|-----------|----------------|--------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| 1. Công ty con | | | | | | |
| CTCP May Việt Thắng | Tr.đồng | 52,27% | 16.000 | 527.240 | 5.461 | 10%/Vốn góp |
| CTCP NPL DM Bình An | Tr.đồng | 58,55% | 111.000 | 39.187 | 7.599 | 5% /Vốn góp |
| 2. Công ty liên doanh | | | | | | |
| Công ty TNHH Việt Thắng - Luch 1 | Tr.đồng | 50 % | 12.057 | 121.799 | 2.681 | 25%/Vốn góp |
| 3. Công ty liên kết | | | | | | |
| CTCP TM Dệt - May TP.HCM | Tr.đồng | 20% | 45.000 | 1.8 | 3.871 | Không chia |
| 4. Đầu tư khác | | | | | | |
| Công ty TNHH Dệt Việt Phú | Tr.đồng | 12% | 30.000 | 831.592 | 15.665 | Không chia |

Các Công ty có vốn góp đều hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tỷ lệ lãi/Vốn điều lệ khá cao như: May Việt Thắng là 37,5%, Vicoluch là 19,90%, Việt Phú là 65,84%. Công ty Bình An năm 2018 đã kinh doanh có lãi và chia cổ tức 5%, Công ty CP TM Dệt may TPHCM đã làm ăn thua lỗ nặng, không còn vốn hoạt động.



PHẦN III

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-----------------------|--|---------------------------|---------------|
| 1 | Nguyễn Đức Khiêm | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 765.500 | 3,64% |
| 2 | Nguyễn Hữu Phú | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 229.320 | 1,09% |
| 3 | Điều Chí Hào | Thành viên HĐQT | 576.850 | 2,75% |
| 4 | Trần Thị Thanh Phượng | Thành viên HĐQT | 68.000 | 0,32% |
| 5 | Lê Nguyên Ngọc | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 23.560 | 0,11% |

Ông Nguyễn Đức Khiêm – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------------|--------------------|
| Năm sinh | 01/11/1958 |
| Nơi sinh | Hải Dương |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Dệt |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | 765.500 cổ phiếu |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu | 5.655.000 cổ phiếu |

Ông Nguyễn Hữu Phú – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------------|--------------------|
| Năm sinh | 21/11/1958 |
| Nơi sinh | TP. Hồ Chí Minh |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Dệt |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | 229.320 cổ phiếu |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu | 2.100.000 cổ phiếu |

Ông Lê Nguyên Ngọc – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------------|--------------------|
| Năm sinh | 23/01/1966 |
| Nơi sinh | Hải Phòng |
| Trình độ chuyên môn | Đại học Luật |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | 23.560 cổ phiếu |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu | 2.100.000 cổ phiếu |

Ông Điều Chí Hào – Thành viên HĐQT

| | |
|-----------------------------|--------------------|
| Năm sinh | 25/11/1975 |
| Nơi sinh | TP. Hồ Chí Minh |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | 576.850 cổ phiếu |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu | 1.075.000 cổ phiếu |

Bà Trần Thị Thanh Phượng – Thành viên HĐQT

| | |
|-----------------------------|------------------|
| Năm sinh | 06/12/1966 |
| Nơi sinh | Đà Nẵng |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | 68.000 cổ phiếu |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu | 124.830 cổ phiếu |

CƠ CẤU BAN ĐIỀU HÀNH (*)

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-------------------|--|---------------------------|---------------|
| 1 | Nguyễn Đức Khiêm | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 765.500 | 3,64% |
| 2 | Nguyễn Hữu Phú | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 229.320 | 1,09% |
| 3 | Lê Nguyên Ngọc | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 23.560 | 0,11% |
| 4 | Nguyễn Quang Minh | Phó Tổng Giám đốc | 41.000 | 0,19 % |

Ông Trần Quang Minh – Phó Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------------|------------------|
| Năm sinh | 1969 |
| Nơi sinh | Hải Dương |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân mỹ thuật |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | 41.000 cổ phiếu |

* Thông tin BDH còn lại như trên phần thông tin HĐQT

CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-------------------|------------|---------------------------|---------------|
| 1 | Nguyễn Đức Lợi | Trưởng ban | 11.460 | 0,05%- |
| 2 | Vũ Thị Thùy Dương | Thành viên | - | - |
| 3 | Đào Thị Nội | Thành viên | - | - |

Ông Nguyễn Đức Lợi – Trưởng Ban kiểm soát

| | |
|-----------------------------|----------------------|
| Năm sinh | 26/10/1964 |
| Nơi sinh | Hà Nam |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Toán tin học |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | 11.460 |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu | - |

Bà Vũ Thị Thùy Dương -Thành viên Ban kiểm soát

| | |
|-----------------------------|-----------------|
| Năm sinh | 10/10/1976 |
| Nơi sinh | Nam Định |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | - |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu | - |

Bà Đào Thị Nội – Thành viên Ban kiểm soát

| | |
|-----------------------------|--------------------|
| Năm sinh | 19/06/1972 |
| Nơi sinh | Hưng Yên |
| Trình độ chuyên môn | Đại học Thương mại |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu | - |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu | - |

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng cán bộ, nhân viên đến ngày 31/12/2018

| STT | Chỉ tiêu | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|------------|--|------------------|--------------|
| I | Phân loại theo giới tính | 1120 | 100% |
| 1 | Nam | 567 | 25,31% |
| 2 | Nữ | 553 | 24,69% |
| II | Phân loại theo trình độ | 1120 | 100% |
| 1 | Trình độ đại học và cao đẳng | 102 | 9,10% |
| 2 | Trình độ trung cấp | 35 | 3,13% |
| 4 | Lao động phổ thông | 983 | 87,77% |
| III | Phân loại theo tính chất lao động | 1120 | 100% |
| 1 | Trực tiếp sản xuất | 1006 | 89,82% |
| 2 | Không trực tiếp sản xuất | 114 | 10,18% |

Thu nhập bình quân qua các năm

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 (dự kiến) |
|--------------------|------------------|-----------|-----------|-----------|--------------------|
| Thu nhập bình quân | Đồng/người/tháng | 8.600.000 | 9.340.000 | 9.955.000 | 9.700.000 |



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng Công ty luôn đảm bảo cán bộ công nhân viên luôn được trả lương đầy đủ và đúng hạn, theo đúng quy định của Luật pháp Việt Nam. Bên cạnh đó nhân viên luôn được khuyến khích học hỏi, nâng cao trình độ tay nghề phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, điều kiện và môi trường làm việc cho người lao động cũng được TVT chú trọng đầu tư đúng mức, đáp ứng đủ 3 tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp. Cụ thể, hệ thống văn phòng làm việc và nhà xưởng khang trang, nhà ăn sạch sẽ, thoáng mát, hệ thống điều hòa không khí tại các nhà máy sản xuất luôn được cải tạo và làm mới; lực lượng lao động trực tiếp luôn được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động; các quy định vệ sinh lao động và vấn đề an toàn trong quá trình sản xuất luôn được Tổng Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

- Tổng Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực sẵn có nhằm cung cấp một đội ngũ lành nghề, chuyên môn cao phù hợp với yêu cầu hoạt động và phát triển của Tổng Công ty.
- Việc tuyển dụng mới cán bộ công nhân viên phù hợp với định hướng phát triển của Tổng Công ty, đảm bảo hội tụ đầy đủ các yêu cầu về trình độ và phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc nhóm, làm việc theo quy trình, phù hợp với các chức danh cần tuyển; ưu tiên tuyển dụng lao động có trình độ cao trong lĩnh vực dệt may và chế biến nguyên vật liệu dệt, may.
- Các nhân viên luôn được đảm bảo tham gia các khóa đào tạo nội bộ giúp nắm rõ nội quy lao động, cách thức vận hành máy móc thiết bị cũng như kỹ năng thực hiện công việc. Đối với những cán bộ nhân viên có năng lực và trình độ chuyên môn tốt sẽ được ưu tiên đào tạo chuyên sâu về năng lực quản lý, kỹ năng quản trị hiện đại, kỹ năng chuyên môn, xử lý tình huống...
- Các đóng góp từ cán bộ công nhân viên luôn được ban lãnh đạo cân nhắc và áp dụng nếu phù hợp với quá trình hoạt động và mang lại hiệu quả cao trong công việc.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG

- Tổng Công ty thực hiện chính sách lương – thưởng theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật liên quan về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, đồng thời cũng đảm bảo việc chế độ lương – thưởng bình đẳng, công khai, cạnh tranh và phù hợp dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân.
- Ngoài ra, Tổng Công ty luôn có chế độ khen thưởng phù hợp để khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy trách nhiệm, tinh thần lao động, nâng cao trình độ chuyên môn và tự hoàn thiện mình và mang lại lợi ích cho Tổng Công ty, đặc biệt là các thành tích nổi bật và ý tưởng sáng tạo mang lại hiệu quả trong các công tác hoạt động sản xuất, kinh doanh.

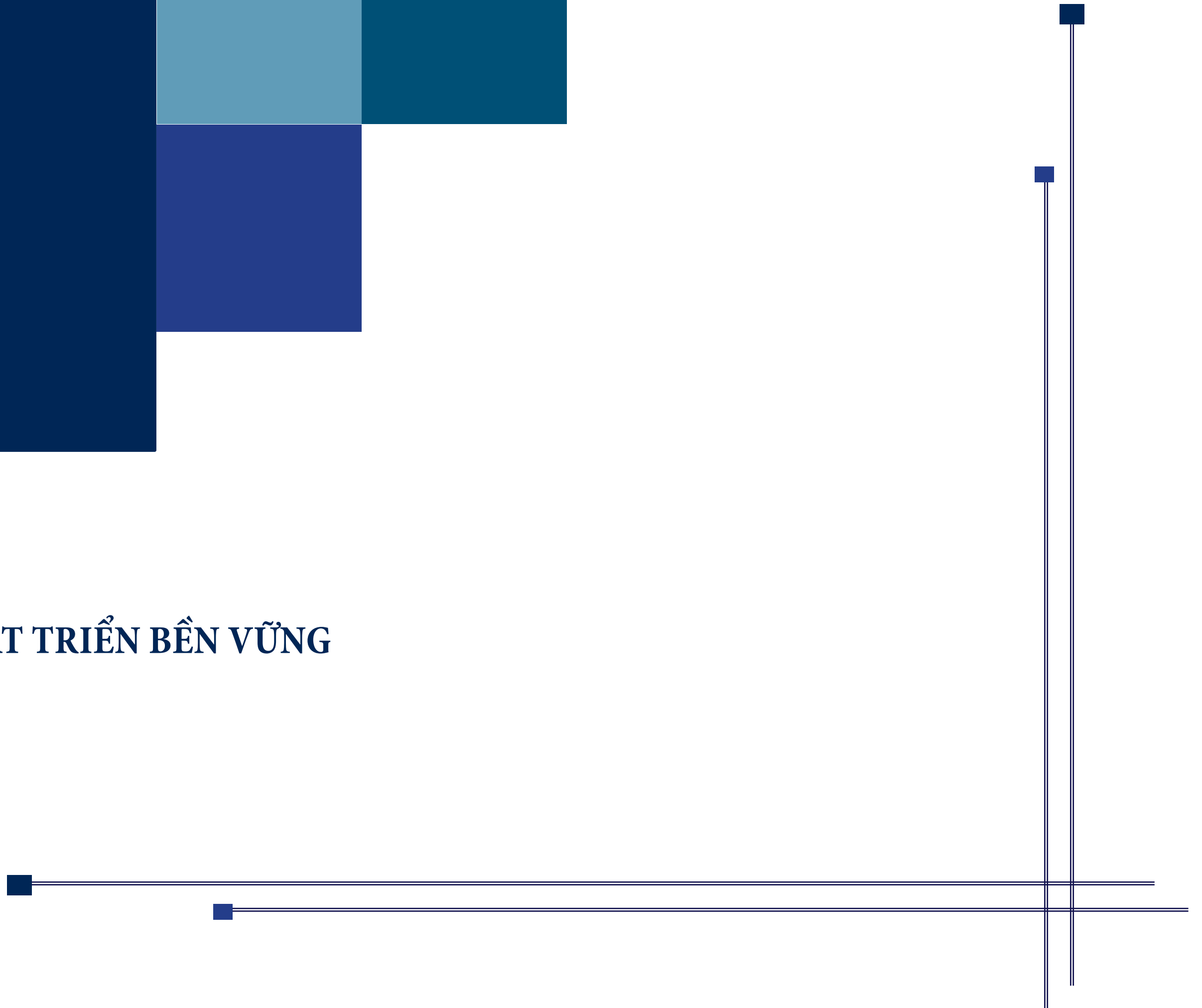
CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI, BẢO HIỂM

- Tổng Công ty thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đúng theo các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Tổng Công ty có chính sách phúc lợi rất đa dạng và linh hoạt: hỗ trợ môi trường làm việc an toàn, thân thiện; chất lượng bữa ăn luôn được nâng cao, hỗ trợ ăn sáng miễn phí, hỗ trợ chi phí di chuyển, bồi dưỡng nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe bằng vật chất; tổ chức khám sức khỏe định kỳ; trợ cấp thôi việc, hưu trí theo quy định; mua các loại bảo hiểm cần thiết; tổ chức các hoạt động tập thể, văn nghệ, tham quan, dã ngoại... và đặc biệt Công ty luôn lắng nghe góp ý của công nhân viên trong tất cả các mặt hoạt động cũng như quản trị, quản lý.





PHẦN IV
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU



Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Việt Thắng sử dụng nguồn nguyên vật liệu được cung cấp hầu hết từ nước ngoài như Thái Lan, Đài Loan, Hoa Kỳ,... Các nhà cung cấp của Tổng Công ty là các đối tác có kinh nghiệm, uy tín, nên các nguyên liệu này luôn được đảm bảo về chất lượng.

Nguồn nguyên liệu chính cho sản xuất là bông cotton, được nhập khẩu từ nước ngoài theo nhu cầu sản xuất, thông thường từ 2 đến 3 tháng mua 01 lần như: bông cotton được nhập khẩu chủ yếu từ nguồn Tây Phi, Hoa Kỳ,...; xơ polyester và xơ visco được nhập khẩu chủ yếu từ Thái Lan, Đài Loan, ...

Vật liệu: Hóa chất tổng hợp dùng để hồ sợi được nhập khẩu từ Đài Loan, Malaysia

DANH SÁCH MỘT SỐ NHÀ CUNG CẤP NGUYÊN VẬT LIỆU CHO TỔNG CÔNG TY

| STT | Nguyên vật liệu | Nhà cung cấp | Xuất xứ |
|-----|-----------------|--------------|----------|
| 1 | Bông Cotton USA | Allen Berg | Hoa Kỳ |
| 2 | Bông Tây Phi | Olam | Tây Phi |
| 3 | Xơ Polyester | Kangwai | Thái Lan |
| 4 | Xơ visco | Thai Rayon | Thái Lan |
| 5 | Hóa chất hồ | Blattman | Đài Loan |

Do ngành sản xuất nguyên phụ liệu của nước ta vẫn còn yếu kém, nguyên phụ liệu nội địa lại rất khó tìm và giá thành còn cao hơn nguyên phụ liệu ngoại khoản 20% nên ngành dệt may Việt Nam nói chung và Việt Thắng nói riêng vẫn lệ thuộc phần lớn vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu.

Tổng Công ty luôn tuân thủ các quy định khắt khe về việc sử dụng các hóa chất, kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả, hợp lý nhằm giảm thiểu chi phí và đem lại lợi nhuận cho Tổng Công ty cũng như bảo vệ môi trường xung quanh.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG NĂM

Nhiên liệu Tổng Công ty sử dụng như dầu, than đá, củi dùng đốt lò hơi được cung cấp từ các Công ty trong nước theo hợp đồng ký mua hàng năm.

Ngoài ra, Tổng Công ty sử dụng điện được cung cấp bởi Công ty Điện Lực TP. Hồ Chí Minh để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm. Tiết kiệm năng lượng điện là một trong những vấn đề được Ban lãnh đạo Việt Thắng quan tâm hàng đầu. Nhân viên và ban quản lý luôn đưa ra các giải pháp khả thi để giảm thiểu chi phí sử dụng năng lượng trong sản xuất lẫn sinh hoạt, giảm bớt các tác động đến môi trường. Tổng Công ty cũng theo dõi và lưu trữ thông tin tiêu thụ điện hàng tháng để kiểm soát gặt gao việc sử dụng điện có hiệu quả và hợp lý.

TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NƯỚC

Tổng Công ty luôn thực hiện tốt trong việc quản lý và kiểm soát lượng nước sử dụng. Hàng năm, Tổng Công ty khuyến khích nhân viên tiết kiệm nước trong sản xuất lẫn sinh hoạt, lập ra các giải pháp nhằm hạn chế lãng phí nguồn tài nguyên này.

Ngoài ra, Tổng Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ đúng quy trình và quy định về xử lý nước thải từ hoạt động dệt, nhuộm nhằm đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật và các quy định trong hiệp định thương mại tự do.

TÌNH HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Tổng Công ty. Tổng Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường như vấn đề về sử dụng năng lượng, nguồn nước, nước thải, quản lý chất thải

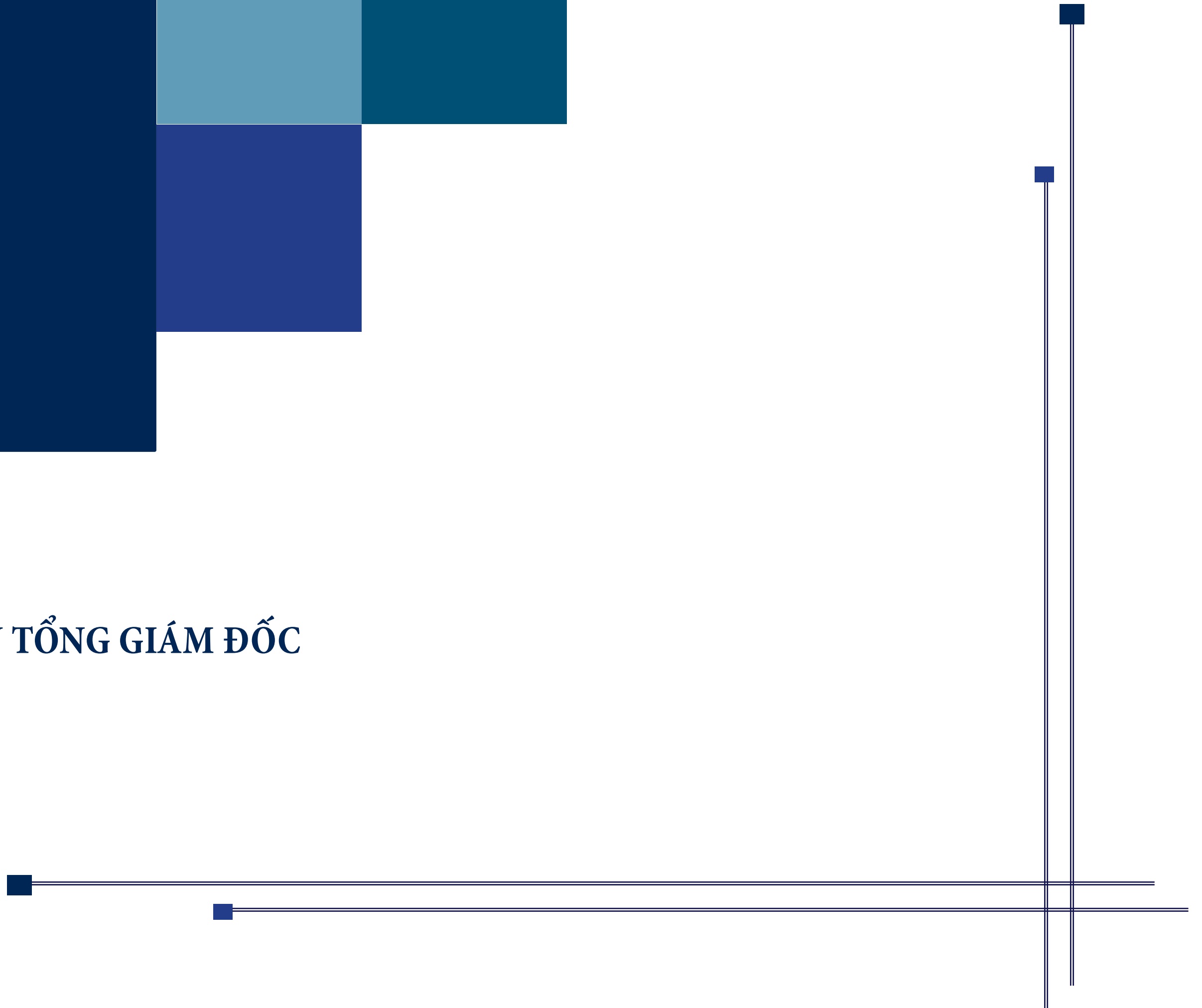
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Tổng Công ty luôn xem người lao động là tài sản quý giá, luôn tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm đến đời sống cán bộ công nhân viên, chú trọng đến việc đào tạo, phát triển năng lực người lao động.
- Duy trì ổn định mức thu nhập trong tình hình kinh tế khó khăn, cụ thể thu nhập bình quân người lao động trong năm 2018 đạt 9,9 triệu đồng/tháng, tăng trên 5% so với năm 2017.
- Quan tâm cải thiện đời sống vật chất như nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, tổ chức ăn sáng miễn phí, hỗ trợ tiền xe đi làm và hỗ trợ cho công nhân có con độ tuổi mẫu giáo, chăm lo cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn vào các dịp lễ tết,...
- Vận động CBCNV đóng góp vào quỹ xã hội nội bộ để giúp đỡ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, tham gia các đợt công tác xã hội.
- Tham gia chương trình giúp đỡ người nghèo, ủng hộ người già, tàn tật, đóng góp chương trình tắm lược nghĩa tình vì Hoàng Sa, Trường Sa, tham gia phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng,...
- Ngoài ra, trong năm 2018, Tổng công ty đã quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực và dành một khoản chi phí nhất định cho công tác này. Đồng thời cử cán bộ trẻ đi đào tạo để nâng cao chất lượng quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý kỹ thuật theo chương trình của Tập Đoàn Dệt May Việt Nam.
- Tiếp tục tuyển dụng mới từ các trường và bên ngoài để đào tạo cán bộ cho giai đoạn phát triển 2019 – 2020.





PHẦN V
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam cũng như các nước trong khu vực. Ở trong nước, cùng với những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt với những khó khăn nhất định nhưng với phương châm hành động “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả nổi bật như sau: tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Đặc biệt, xuất khẩu dệt may tăng đột biến, kim ngạch năm 2018 hơn 36 tỷ USD, đây là tốc độ tăng trưởng cao nhất từ năm 2011 đến nay. Trước những thuận lợi đó, Tổng Công ty Việt Thắng đã nỗ lực hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như tận dụng cơ hội ký kết những hợp đồng mới từ chính sách hội nhập và đạt được những kết quả khả quan nhất, cụ thể:

| Khoản mục | ĐVT | TH 2017 | TH 2018 | % 2018/2017 |
|------------------------------|---------|-----------|-----------|-------------|
| Doanh thu | Tr.đồng | 2.533.981 | 2.335.383 | 92,16% |
| Doanh thu thuần | Tr.đồng | 2.530.522 | 2.332.056 | 92,16% |
| Giá vốn hàng bán | Tr.đồng | 2.252.695 | 2.066.973 | 91,74% |
| Lợi nhuận gộp | Tr.đồng | 277.826 | 265.082 | 95,41% |
| Doanh thu tài chính | Tr.đồng | 11.560 | 9.335 | 80,75% |
| Chi phí tài chính | Tr.đồng | 32.170 | 41.691 | 129,60% |
| Chi phí bán hàng | Tr.đồng | 52.247 | 23.758 | 45,41% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tr.đồng | 100.294 | 85.407 | 85,15% |
| Lợi nhuận từ HĐ SXKD | Tr.đồng | 104.852 | 124.901 | 119,12% |
| Lợi nhuận khác | Tr.đồng | 8.126 | 4.292 | 52,81% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 112.908 | 127.796 | 113,19% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 90.324 | 102.494 | 113,47% |

Nhìn chung, sản phẩm của Tổng Công ty vẫn duy trì được chất lượng khá tốt và giá cả hợp lý nhưng tiêu thụ ngày càng khó khăn hơn. Với những nhận định về bối cảnh thị trường, Ban Tổng Giám đốc cũng đã đưa ra những định hướng phù hợp để TVT tiếp tục hoạt động với mục tiêu các kết quả kinh doanh chỉ giảm nhẹ so với kế hoạch năm 2018 đã đặt ra, cũng như so với cùng kỳ năm 2017.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2017 | 31/12/2018 | Tăng/giảm (%) |
|---------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn | Triệu đồng | 821.070 | 896.775 | 9,22% |
| Tài sản dài hạn | Triệu đồng | 736.229 | 708.323 | (3,79%) |
| Tổng tài sản | Triệu đồng | 1.557.299 | 1.605.098 | 3,07% |

Năm 2018, tổng tài sản của Việt Thắng tăng 47,79 tỷ đồng, tương đương tăng 3,07% so với năm 2017, đạt 1.605,09 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 75,71 tỷ đồng, tương đương tăng 9,2% so với năm 2017, đạt 896.775 tỷ đồng. Tài sản dài hạn giảm 27,91 tỷ đồng, tương đương giảm 3,79% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 708,32 tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản năm 2018 không biến động quá nhiều so với cơ cấu năm 2017. Cụ thể, tỷ trọng tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn năm 2017 lần lượt chiếm 47,28% và 52,72%. Năm 2018, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng nhẹ chiếm 55,87% , tài sản dài hạn giảm còn 44,13% trong cơ cấu tổng tài sản.

Nguyên nhân chính của việc thay đổi cơ cấu tài sản của Tổng Công ty trong năm 2018 chủ yếu là do trong năm Tổng Công ty ghi nhận tăng lượng tiền mặt và hàng tồn kho, chủ yếu là tồn trữ nguyên vật liệu để sản xuất. Bên cạnh đó là thanh lý một số tài sản cố định đã cũ, hoạt động kém hiệu quả

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2017 | 31/12/2018 | Tăng/giảm (%) |
|-------------------------|-----------------|----------------|----------------|---------------|
| Nợ ngắn hạn | Tr. đồng | 748.206 | 775.639 | 3,66% |
| Nợ dài hạn | Tr. đồng | 106.196 | 93.367 | (12,08%) |
| Tổng nợ phải trả | Tr. đồng | 854.402 | 869.006 | 1,71% |

Tổng nợ phải trả của Công ty được cấu thành từ nợ ngắn hạn và nợ dài hạn, chủ yếu là nợ ngắn hạn, Trong năm 2018, nợ ngắn hạn có sự gia tăng, khi tăng từ 748,20 tỷ đồng lên 775,63 tỷ đồng, tương đương tăng 3,66% so với năm 2017 nguyên nhân chủ yếu của sự gia tăng này là do khoản tiền phải trả cho thư tín dụng trả chậm tới ngày đáo hạn mà Công ty chưa đủ nguồn thanh toán chuyển đổi thành các khoản vay ngắn hạn. Đồng thời, nợ dài hạn của TVT trong năm qua có sự giảm nhẹ còn 93,36 tỷ đồng, tương đương giảm 12,08% so với năm 2017 do trong năm qua Công ty đã hoàn tất thanh toán một phần nợ vay dài hạn đến kỳ thanh toán cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam,..

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2018



- Trải qua 2 năm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần niêm yết, TVT đã hoàn toàn nắm bắt được quy chế hoạt động và quản lý Tổng Công ty theo các quy định. Bên cạnh đó, Tổng Công ty vốn đã hoạt động lâu đời với đội ngũ nhân viên quản lý có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao luôn có chính sách quản trị Tổng Công ty một cách hợp lý, đem lại nền tảng vững chắc trong hệ thống bộ máy quản trị của TVT.
- Năm 2018 là một năm khá ổn định cho các doanh nghiệp trong ngành dệt may nói chung và TVT nói riêng. Tổng công ty vừa duy trì ổn định sản xuất, vừa đầu tư mở rộng sản xuất, hướng đến phát triển mạnh mẽ cho các năm sau. Trong năm qua, Tổng công ty chủ yếu đầu tư mới thiết bị sợi dệt đồng thời cũng tiếp tục đầu tư bổ sung thiết bị, đầu tư chiều sâu để cải thiện chất lượng, nâng cao tính hiệu quả của các dự án đã đầu tư là một cố gắng lớn của ban lãnh đạo nhằm đổi mới, hiện đại hóa thiết bị, đáp ứng được yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng và thị trường.
- Ngoài ra, Ban lãnh đạo Tổng công ty luôn cố gắng làm tốt công tác chăm lo đời sống cho toàn thể CBCNV, luôn quan tâm nâng cao thu nhập cho người lao động và đảm bảo các nhu cầu vật chất văn hóa tinh thần giúp người lao động yên tâm làm việc, đóng góp nhiều hơn cho Tổng công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Bước vào năm 2019, nền kinh tế thế giới vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới. Các nền kinh tế lớn tuy đã thoát khỏi khủng hoảng nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn còn hạn chế, quan hệ thương mại vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Nền kinh tế trong nước có điểm tựa từ năm 2018 là tiền đề phát triển tốt trong năm 2019, ảnh hưởng từ cuộc chiến thương mại thế giới cũng ảnh hưởng tới giá nguyên vật liệu nhập khẩu cùng với đó là việc thay đổi mức lương tối thiểu cũng sẽ làm chi phí tiền lương và BHXH tăng, giá điện tăng khoản 8% từ giữa tháng 3/2019, những yếu tố đó sẽ dẫn đến việc tăng giá của nguyên nhiên vật liệu, giá thành từ đó ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ vào năng lực sản xuất kinh doanh hiện tại, dự báo tình hình thị trường, Tổng công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

| Chỉ tiêu chủ yếu | Kế hoạch 2019 | Tỷ lệ KH/TH 2018 |
|--------------------------|-------------------------|------------------|
| Tổng doanh thu | 2.402.660.000.000 | 102,41% |
| Lợi nhuận trước thuế | 119.000.000.000 | 93,70% |
| Chia cổ tức | 25% | 100% |
| Thu nhập bình quân CBCNV | 8,9 Triệu/tháng | 100% |
| Sản lượng sản xuất | | |
| + Sợi (b/q Ne 30) | 13.950 tấn | 100% |
| + Dệt | 69 triệu m ² | 100% |

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- Về công tác đầu tư năm 2019: Trong năm 2019 Tổng công ty tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung thiết bị dệt (mua mới 40 máy dệt) với dự toán chi phí 40 tỷ đồng, thiết bị nhà máy sợi (2 máy tách xơ ngoại lai Uster Jossi, 4 máy ghép sơ bộ Trung Quốc, 4 máy thô Trung Quốc, 2 máy ống Murata bobbin tray, 4 máy nén khí Gardner Debver của Đức) với tổng mức đầu tư là 32 tỷ đồng.
- Tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thiết kế, sản xuất nhiều mặt hàng mới phù hợp với xu hướng thị trường và thị hiếu người tiêu dùng. Đồng thời, mở rộng và phát triển mạng lưới hoạt động của TVT, tăng thêm số lượng khách hàng nhờ vào sự chuyên nghiệp và đa dạng hóa danh mục sản phẩm.
- Về công tác đào tạo nguồn nhân lực mới cho năm 2019: Tổng công ty tiếp tục quan tâm đào tạo lớp cán bộ trẻ kế thừa hiện có tại đơn vị, đồng thời tiếp tục tìm kiếm và bổ sung thêm những lao động có kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh để hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý kinh doanh cho phù hợp với xu hướng kinh doanh mới, năng động, sáng tạo và phát triển.
- Về chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên và tham gia trách nhiệm xã hội: tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2018, phấn đấu tăng thu nhập, quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tiếp tục tham gia các phong trào và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

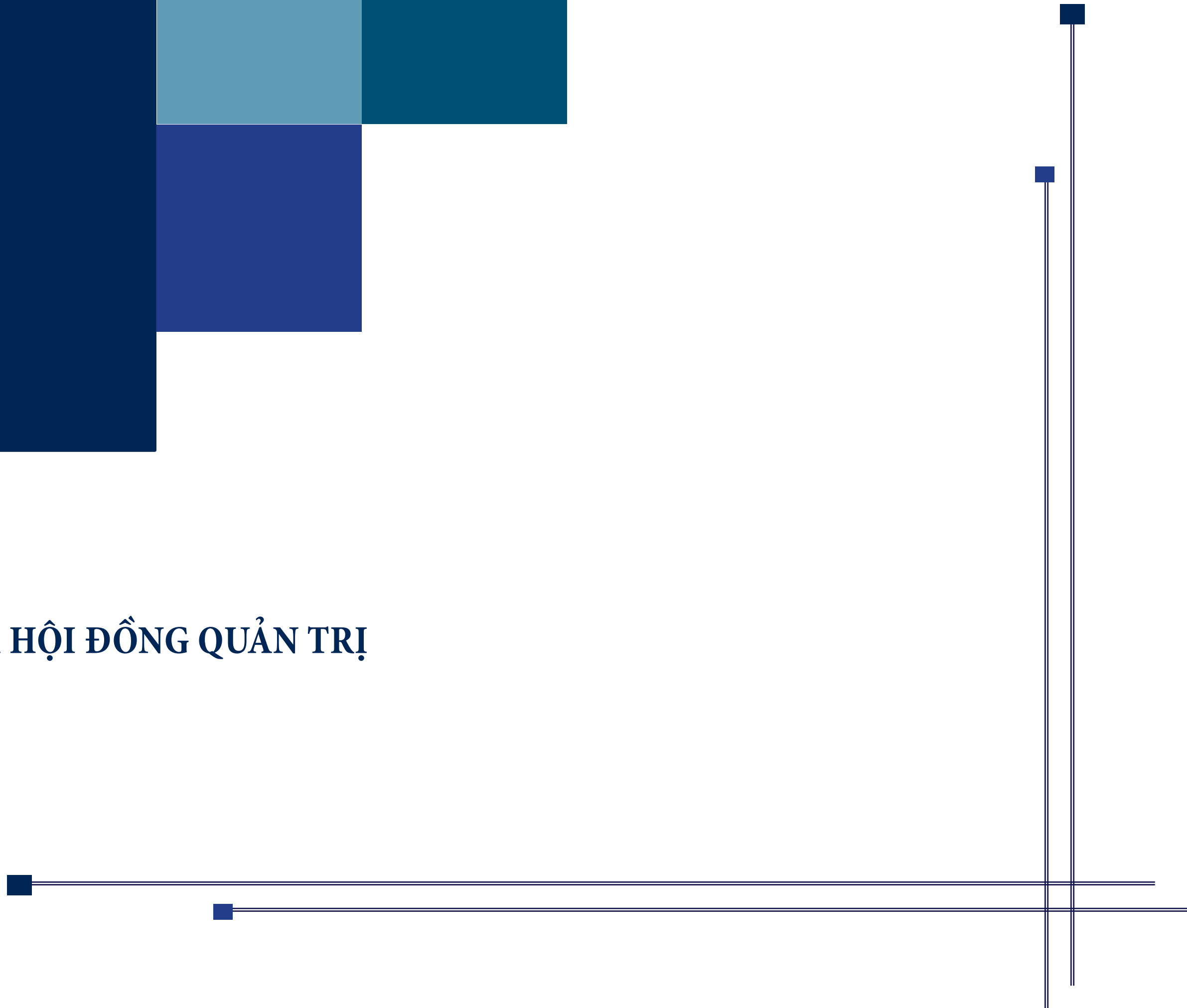
Tổng Công ty cam kết đảm bảo xây dựng môi trường làm việc an toàn cho người lao động, chăm lo sức khỏe và hưởng các chế độ theo đúng quy định; Tổng Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo, tạo điều kiện phát triển nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên; Khuyến khích nhân viên phản hồi, chia sẻ nguyện vọng và ý kiến đóng góp cho sự phát triển của Tổng Công ty; Đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập trong tình hình kinh tế khó khăn.

Trong quá trình sản xuất, ngành dệt may thường sử dụng các hóa chất dễ gây ảnh hưởng đến môi trường, ý thức được điều đó Tổng Công ty luôn chú trọng tiết giảm năng lượng, nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo còn vận động cán bộ công nhân viên đóng góp vào quỹ xã hội nội bộ để giúp đỡ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo và tham gia các đợt công tác xã hội như: phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ thương binh, thăm hỏi gia đình diện chính sách, nạn nhân chất độc da cam, giúp đỡ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt...



PHẦN V
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2018, HĐQT nhận thấy kinh tế trong nước được cải thiện tốt hơn cùng kỳ năm 2017, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Tổng Công ty. Tuy nhiên ảnh hưởng của thị trường dệt may trên thế giới từ việc giảm tiêu thụ hàng dệt may tại các khu vực có tỷ trọng tiêu thụ cao như Châu Âu, Nhật Bản,... đã tác động không nhỏ đến thị trường dệt may Việt Nam nói chung cũng như TVT nói riêng. Đặc biệt là giá nguyên liệu bông, xơ biến động liên tục trong năm đã ảnh hưởng không tốt đến việc tiêu thụ vải, sợi. Những kết quả đạt được của Tổng Công ty Việt Thắng là sự cố gắng rất đáng khen ngợi và trân trọng, để có được kết quả đó là nhờ cả một tập thể công ty cùng lòng quyết tâm cao, sự nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo Tổng công ty và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, thể hiện qua những mặt sau:

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất, hoạt động kinh doanh ổn định, doanh thu, tài sản, nguồn vốn, lợi nhuận trước thuế đều đạt so với kế hoạch năm 2018 mà Đại hội đề ra. Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất, khá tốt trong bối cảnh khó khăn của thị trường hiện nay, đồng thời đảm bảo việc làm, mức thu nhập ổn định cho người lao động.
- Tổng công ty vừa duy trì ổn định sản xuất, vừa đầu tư mở rộng sản xuất, hướng đến phát triển mạnh mẽ cho các năm sau. Trong năm 2018, Tổng công ty chủ yếu đầu tư mới thiết bị sợi dệt đồng thời cũng tiếp tục đầu tư bổ sung thiết bị, đầu tư chiều sâu để cải thiện chất lượng, nâng cao tính hiệu quả các dự án đã đầu tư là một cố gắng lớn của Ban lãnh đạo để đổi mới, hiện đại hóa thiết bị đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và thị trường.
- Chất lượng công tác: hạch toán kế toán, tuyển dụng đào tạo nhân sự mới được chú trọng và nâng cao, tình hình tài chính lành mạnh, quan hệ tín dụng tốt đảm bảo cho nguồn vốn lưu động có chi phí tài chính thấp.

Đối với Tổng Công ty Việt Thắng, vì là Công ty hoạt động lâu năm, có vị thế nhất định trong ngành, nhờ chính sách chất lượng sản phẩm đi kèm với giá cả hợp lý nên các sản phẩm của TVT vẫn luôn thu hút được một số khách hàng truyền thống và thị phần được duy trì ổn định. Bên cạnh đó, trước những dự đoán khả quan cho ngành dệt may 2019 cùng những thuận lợi từ chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các điều khoản có lợi từ các hợp đồng tự do thương mại FTA sẽ mở ra những cơ hội tăng trưởng mới cho TVT trong khoảng thời gian sắp tới.



VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đúng nhiệm vụ và chỉ tiêu theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Do năng lực quản lý cao và nhiều năm kinh nghiệm trong ngành cũng như hiểu rõ về hoạt động của Tổng Công ty, nên việc thực hiện các nhiệm vụ diễn ra nhanh chóng và theo đúng định hướng kinh doanh.

Trước những khó khăn của thị trường năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã có những động thái thúc đẩy đội ngũ cán bộ công nhân viên tập trung sản xuất kinh doanh. Thực hiện các chương trình đào tạo đội ngũ nhân viên lành nghề, mở rộng nguồn nhân lực đảm bảo sự phát triển bền vững và đáp ứng quy mô phát triển của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc trong năm đã thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra; hoàn thành các nội dung và Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT ban hành.

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

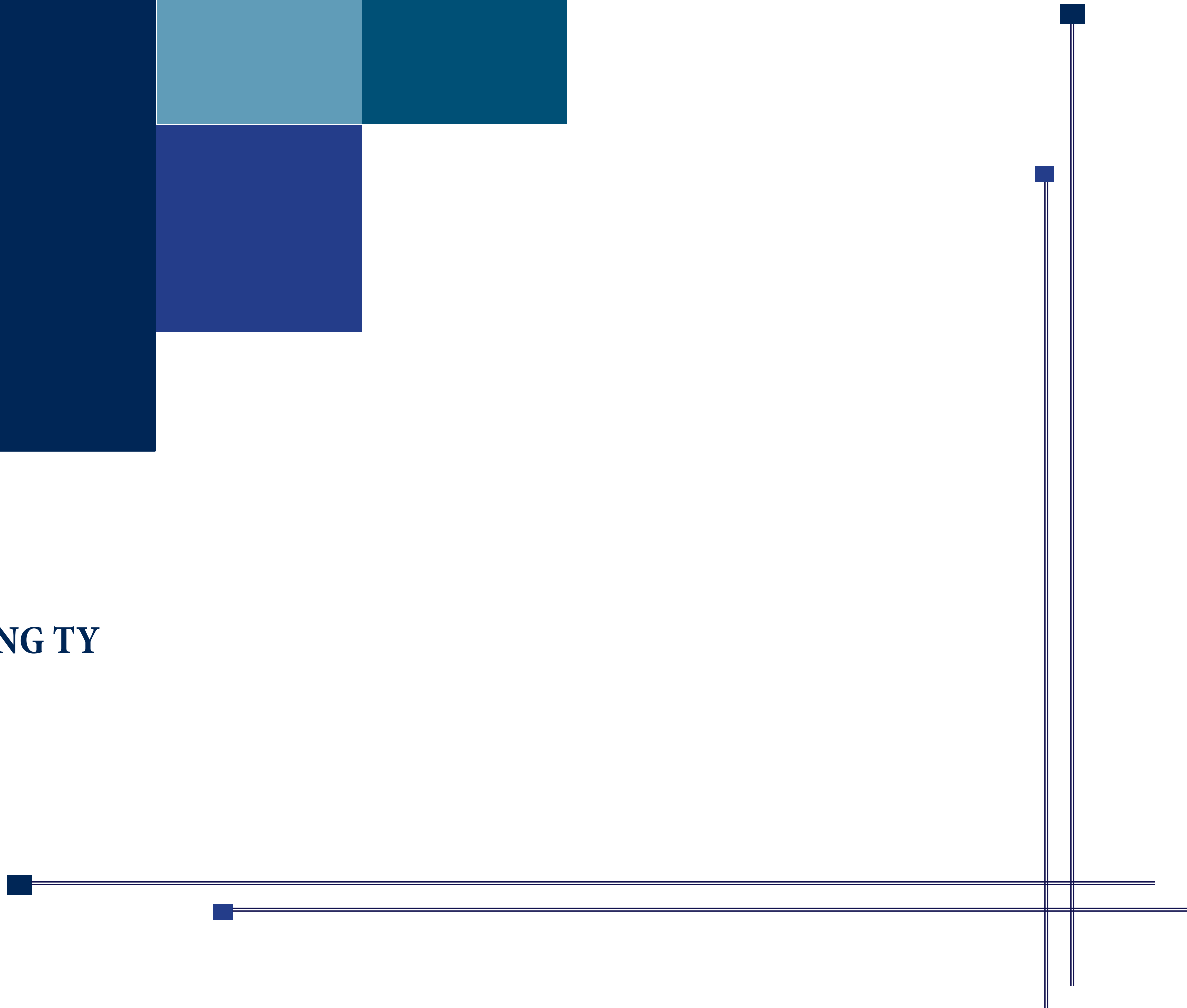
Căn cứ vào triển vọng ngành và tiềm năng phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị đã đề ra hướng đi cho TVT trong năm tới như sau:

- Tăng cường cải thiện chất lượng sản phẩm, tiếp tục nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu cũng như thị hiếu của khách hàng hiện nay, tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu. Đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Tiếp tục tìm kiếm các đơn hàng xuất khẩu đến thị trường mục tiêu là Châu Âu và các nước ASEAN.
- Đầu tư nâng cấp Nhà máy và các phân xưởng, đồng thời tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn, nâng cao trình độ tay nghề, phát huy tốt khả năng sáng tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Đồng thời để thúc đẩy Tổng công ty hoạt động có hiệu quả cao, HĐQT đề xuất khi hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận 2019, một phần lợi nhuận sau thuế sẽ được trích như sau:
 - + Trích quỹ phúc lợi khen thưởng: 5% lợi nhuận sau thuế
 - + Thưởng cho HĐQT, BKS, BDH và chi phí đối ngoại là 5% lợi nhuận sau thuế.





PHẦN VI
QUẢN TRỊ CÔNG TY



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-----------------------|--|---------------------------|---------------|
| 1 | Nguyễn Đức Khiêm | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 765.500 | 3,64% |
| 2 | Nguyễn Hữu Phú | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 229.320 | 1,09% |
| 3 | Điều Chí Hào | Thành viên HĐQT | 576.850 | 2,75% |
| 4 | Trần Thị Thanh Phượng | Thành viên HĐQT | 68.000 | 0,32% |
| 5 | Lê Nguyên Ngọc | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 23.560 | 0,11% |

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 11 buổi họp để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để đạt vượt chỉ tiêu các kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua.

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|----------|---------------------|-------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Đức Khiêm | Chủ tịch | 11 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Hữu Phú | Ủy viên | 11 | 100% | |
| 3 | Điều Chí Hào | Ủy viên | 11 | 100% | |
| 4 | Trần Thị Thanh Phượng | Ủy viên | 11 | 100% | |
| 5 | Lê Nguyên Ngọc | Ủy viên | 11 | 100% | |

Về nhân sự thành viên HĐQT Tổng công ty:

- Số lượng thành viên HĐQT hiện nay là 05 thành viên.
- Tháng 12/2018, ông Nguyễn Hữu Phú: Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT Tổng Công ty đã nghỉ hưu theo quyết định của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty
- Trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên 2019 này, đại hội sẽ xem xét bầu bổ sung 01 thành viên HDDQT của Tổng công ty

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|-----|---------------------------|---------------|--|
| 1 | 13/HĐQT/2018 | 07/03/2018 | V/v báo cáo nội dung chuẩn bị ĐHCĐ thường niên |
| 2 | 17/NQ/HĐQT/2018 | 15/03/2018 | V/v tổ chức ĐHCĐ năm 2018 và kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt |
| 3 | 25/1/ NQ/HĐQT/2018 | 30/03/2018 | Thông qua việc vay vốn mở L/C ngắn hạn tại Ngân hàng VCB; tình hình SXKD và chuẩn bị cho ĐHCĐ năm 2018 |
| 4 | 25/HĐQT/2018 | 30/03/2018 | Tình hình SXKD và chuẩn bị ĐHCĐ năm 2018; Thông qua việc vay vốn mở L/C tại Ngân hàng VCB |
| 5 | 38/HĐQT/2018 | 17/004/2018 | Những nội dung báo cáo tại ĐHCĐ năm 2018 |
| 6 | 55/HĐQT/2018 | 15/06/2018 | Tình hình SXKD quý I/2018 và ước thực hiện quý II/2018 |
| 7 | 80/BB - HĐQT | 26/07/2018 | Tình hình SXKD quý II/2018 và ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 |
| 8 | 80A/QĐ - HĐQT | 31/07/2018 | Quyết định V/v vay vốn tại Ngân hàng BIDV CN TP .HCM |
| 9 | 89/VT- HĐQT | 05/08/2018 | Quyết định V/v đầu tư bổ sung thiết bị nhà máy Sợi |
| 10 | 90/1/BB - HĐQT | 20/08/2018 | Biên bản họp vay vốn tại Ngân hàng VCB - CN TP.HCM |
| 11 | 90/2/BB- HĐQT | 20/08/2018 | Biên bản họp V/v thông qua dự án đầu tư thiết bị dệt và vay vốn đầu tư Trung dài hạn tại Ngân hàng VCB - CN TP.HCM |
| 12 | 93/VT- HĐQT | 10/09/2018 | Quyết định V/v bổ sung thiết bị nhà máy sợi |
| 13 | 97/VT - HĐQT | 18/10/2018 | Quyết định V/v đầu tư thiết bị phụ trợ nhà máy sợi |
| 14 | 99/BB - HĐQT | 22/10/2018 | Biên bản họp vay vốn tại NG SINOPAC - CNTP HCM |
| 15 | 113/BB - HĐQT | 25/12/2018 | Tình hình SXKD ước Quý IV và dự kiến năm 2018, báo cáo sơ bộ về ĐHCĐ năm 2019 cho tập đoàn |
| 16 | 114/HĐQT | 26/12/2018 | Báo cáo định hướng chia cổ tức và chuẩn bị ĐHCĐ năm 2019 cho tập đoàn |

BAN KIỂM SOÁT

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-------------------|------------|---------------------------|---------------|
| 1 | Nguyễn Đức Lợi | Trưởng ban | 11.460 | 0,05% |
| 2 | Vũ Thị Thùy Dương | Thành viên | - | - |
| 3 | Đào Thị Nội | Thành viên | - | - |

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-------------------|------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1 | Vũ Thị Thùy Dương | Trưởng ban | 04 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Đức Lợi | Thành viên | 04 | 100% | |
| 3 | Đào Thị Nội | Thành viên | 04 | 100% | |

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện trong năm 2018

- Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 người, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên.
- BKS thực hiện họp 04 lần theo định kỳ đúng quy định của Quy chế, đã thẩm định Báo cáo tình hình SXKD và Báo cáo tài chính quý – năm. Các cuộc họp của BKS luôn đủ 03 thành viên, các Biên bản họp của BKS đều có gửi HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát đã thu thập, thẩm định các tài liệu và Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm (sau kiểm toán), Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT năm 2018; Lập và trình Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ năm 2018.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự hợp tác tốt từ cấp điều hành đến phòng ban bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của Tổng Công ty.

Kế hoạch năm 2019

- Thu thập, thẩm định các tài liệu và Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm (sau kiểm toán), Báo cáo đánh giá công tác quản lý HĐQT năm 2019. Tổng hợp và lập báo cáo của BKS để chuẩn bị trình ĐHĐCĐ năm 2019 của Tổng Công ty.
- Xem xét, đánh giá hoạt động của HĐQT liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Xem xét, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc và kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, 9 tháng năm 2018 nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
- Xem xét, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư.
- Thu thập các yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phiếu phổ thông (nếu có).



CÁC KHOẢN THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

| STT | Họ và tên | Thù lao/Năm |
|-----|-------------------|------------------|
| 1 | Hội đồng quản trị | 192.000.000 đồng |
| 2 | Ban kiểm soát | 84.000.000 đồng |



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thông tin về Công ty**

| | | |
|---|---|---|
| Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số | 4103006066 | ngày 8 tháng 2 năm 2007 |
| | 4103006066 | ngày 29 tháng 6 năm 2009 |
| | 0301445210 | ngày 6 tháng 7 năm 2011 |
| | 0301445210 | ngày 15 tháng 4 năm 2013 |
| | 0301445210 | ngày 26 tháng 8 năm 2014 |
| | 0301445210 | ngày 21 tháng 7 năm 2015 |
| <p>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.</p> | | |
| Quyết định cổ phần hóa | 3241/QĐ-BCN | ngày 14 tháng 11 năm 2006 |
| Hội đồng Quản trị | Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương Ông Lê Nguyên Ngọc | Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên |
| Ban Tổng Giám đốc | Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Nguyên Ngọc Ông Nguyễn Quang Minh Ông Diệp Quốc Bình | Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2018) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng |
| Trụ sở đăng ký | 127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam | |
| Đơn vị kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam | |



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2019

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00459-19-2



Nguyễn Thanh Nghị
Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định
Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2019

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 896.775.365.223 | 821.069.834.166 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 72.140.744.218 | 70.632.829.414 |
| Tiền | 111 | | 60.140.744.218 | 40.005.235.665 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 12.000.000.000 | 30.627.593.749 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 35.049.150.685 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 35.049.150.685 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 352.213.032.173 | 361.135.323.061 |
| Phải thu của khách hàng | 131 | 7 | 314.541.811.673 | 348.000.847.947 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 24.792.248.809 | 6.724.519.880 |
| Phải thu khác | 136 | 8 | 13.152.639.448 | 6.683.622.991 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 137 | 7 | (273.667.757) | (273.667.757) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 432.725.705.801 | 383.980.623.240 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 438.869.231.729 | 386.007.039.440 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (6.143.525.928) | (2.026.416.200) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.646.732.346 | 5.321.058.451 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 2.353.053.142 | 952.711.071 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 2.099.517.070 | 3.874.716.852 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | | 194.162.134 | 493.630.528 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 708.322.846.532 | 736.228.959.446 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 265.000.000 | 335.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 265.000.000 | 335.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 615.049.884.331 | 644.415.591.072 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 614.958.217.668 | 644.273.924.411 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.563.746.820.146 | 1.508.124.862.919 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (948.788.602.478) | (863.850.938.508) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 91.666.663 | 141.666.661 |
| Nguyên giá | 228 | | 1.139.772.808 | 1.139.772.808 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.048.106.145) | (998.106.147) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 12 | 36.444.749.232 | 39.485.586.130 |
| Nguyên giá | 231 | | 70.468.849.375 | 70.468.849.375 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (34.024.100.143) | (30.983.263.245) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 17.574.732.158 | 8.780.515.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 17.574.732.158 | 8.780.515.000 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 14 | 17.164.183.350 | 18.323.795.991 |
| Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 9.414.183.350 | 10.573.795.991 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 7.750.000.000 | 7.750.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 21.824.297.461 | 24.888.471.253 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 15 | 20.975.512.529 | 24.888.471.253 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 848.784.932 | - |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.605.098.211.755 | 1.557.298.793.612 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 869.005.930.746 | 854.402.423.597 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 775.639.196.417 | 748.206.466.198 |
| Phải trả người bán | 311 | 16 | 94.355.656.607 | 92.545.208.209 |
| Người mua trả tiền trước | 312 | | 10.367.310.142 | 3.748.149.309 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 17 | 6.476.599.916 | 10.588.722.554 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 49.669.719.376 | 41.806.109.621 |
| Chi phí phải trả | 315 | | 1.414.711.413 | 1.733.144.097 |
| Phải trả khác | 319 | 18 | 82.184.610.800 | 3.975.690.738 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 19(a) | 523.912.496.812 | 583.053.592.972 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 322 | 20 | 7.258.091.351 | 10.755.848.698 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 93.366.734.329 | 106.195.957.399 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | 1.651.301.000 | 1.651.301.000 |
| Vay dài hạn | 338 | 19(b) | 91.715.433.329 | 104.544.656.399 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 736.092.281.009 | 702.896.370.015 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 736.092.281.009 | 702.896.370.015 |
| Vốn cổ phần | 411 | 22 | 210.000.000.000 | 210.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 3.062.727.273 | 3.062.727.273 |
| Quỹ đầu tư và phát triển | 418 | 24 | 69.496.458.985 | 69.496.458.985 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 379.442.519.822 | 346.513.238.290 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 74.090.574.929 | 73.823.945.467 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.605.098.211.755 | 1.557.298.793.612 |

Ngày 8 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2018 VND | 2017 VND |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 26 | 2.335.383.170.181 | 2.533.980.659.630 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 26 | 3.327.313.640 | 3.458.771.361 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 26 | 2.332.055.856.541 | 2.530.521.888.269 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 27 | 2.066.973.489.504 | 2.252.695.400.375 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 265.082.367.037 | 277.826.487.894 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 28 | 9.334.689.479 | 11.559.796.969 |
| Chi phí tài chính | 22 | 29 | 41.690.560.517 | 32.170.424.107 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 33.081.469.621 | 30.101.247.264 |
| Lãi trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 1.340.387.359 | 176.881.005 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 30 | 23.758.306.006 | 52.246.926.665 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 31 | 85.407.069.691 | 100.293.971.599 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)} | 30 | | 124.901.507.661 | 104.851.843.497 |
| Thu nhập khác | 31 | 32 | 4.292.733.115 | 8.126.287.788 |
| Chi phí khác | 32 | | 1.397.984.049 | 70.082.674 |
| Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 2.894.749.066 | 8.056.205.114 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2018 VND | 2017 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 127.796.256.727 | 112.908.048.611 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 34 | 26.150.672.579 | 22.584.058.365 |
| Lợi ích thuế TNDN hoãn lại | 52 | 34 | (848.784.932) | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 102.494.369.080 | 90.323.990.246 |
| Phân bổ: | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thuộc các cổ đồng của công ty mẹ | 61 | | 96.737.773.471 | 86.966.712.846 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát | 62 | | 5.756.595.609 | 3.357.277.400 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 35 | 4.146 | 3.650 |

Ngày 8 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2018 VND | 2017 VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 127.796.256.727 | 112.908.048.611 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 115.888.558.365 | 115.207.486.109 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 4.117.109.728 | 45.546.718 |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 2.023.062.199 | (620.408.278) |
| Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư | 05 | | (8.800.863.332) | (7.954.667.168) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 33.081.469.621 | 30.101.247.264 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 274.105.593.308 | 249.687.253.256 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | 13.274.687.169 | 14.888.843.748 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (52.862.192.289) | 61.542.962.081 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác | 11 | | 88.057.597.926 | (72.180.152.465) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 2.512.616.653 | (10.675.710.718) |
| | | | 325.088.302.767 | 243.263.195.902 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (32.914.714.092) | (29.914.675.315) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (25.213.690.834) | (22.752.246.539) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (15.563.527.933) | (8.905.957.829) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 251.396.369.908 | 181.690.316.219 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2018 VND | 2017 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định | 21 | | (94.601.072.639) | (48.833.267.112) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | | 3.342.866.915 | 2.119.300.000 |
| Tiền chi cho vay | 23 | | (16.720.000.000) | (12.250.000.000) |
| Tiền chi cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 23 | | (35.049.150.685) | - |
| Tiền thu hồi cho vay | 24 | | 16.720.000.000 | 12.250.000.000 |
| Tiền thu lãi lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 6.050.375.373 | 5.231.248.401 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (120.256.981.036) | (41.482.718.711) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 1.589.206.726.650 | 1.715.893.022.261 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (1.662.912.170.146) | (1.898.808.761.532) |
| Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông của công ty mẹ | 36 | | (52.207.575.000) | (52.724.765.000) |
| Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát | 36 | | (3.693.818.750) | (4.852.643.700) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (129.606.837.246) | (240.493.147.971) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 1.532.551.626 | (100.285.550.463) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 70.632.829.414 | 170.919.468.478 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (24.636.822) | (1.088.601) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 5 | 72.140.744.218 | 70.632.829.414 |

Ngày 8 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

| Tên | Địa chỉ | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
|--|--|------------------------------|----------|
| | | % sở hữu và quyền biểu quyết | |
| Công ty con trực tiếp | | | |
| Công ty cổ phần May Việt Thắng | 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 52,27% | 52,27% |
| Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An | 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 58,55% | 58,55% |
| Công ty liên doanh, liên kết | | | |
| Công ty TNHH Việt Thắng Luch I | 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 50,00% | 50,00% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh | 96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh | 20,00% | 20,00% |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 2.182 nhân viên (1/1/2018: 2.798 nhân viên).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả sau đây.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 38 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 8 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 5 – 9 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|-----------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 25 năm |
|-----------|------------|

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì đáng kể được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày kết thúc việc bảo trì.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

| | Trong nước | | Xuất khẩu | | Tổng | |
|----------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------|
| | 2018 VND | 2017 VND | 2018 VND | 2017 VND | 2018 VND | 2017 VND |
| Doanh thu bán ra bên ngoài | 1.784.399.514.773 | 1.639.803.383.702 | 547.656.341.768 | 890.718.504.567 | 2.332.055.856.541 | 2.530.521.888.269 |
| Chi tiêu vốn | 94.068.532.883 | 49.699.274.612 | - | - | 94.068.532.883 | 49.699.274.612 |
| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
| Tài sản của bộ phận | 1.605.098.211.755 | 1.557.298.793.612 | - | - | 1.605.098.211.755 | 1.557.298.793.612 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 778.839.901 | 781.557.074 |
| Tiền gửi ngân hàng | 59.361.904.317 | 39.223.678.591 |
| Các khoản tương đương tiền | 12.000.000.000 | 30.627.593.749 |
| | 72.140.744.218 | 70.632.829.414 |

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 7,1% đến 8% (2017: Không)

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lâm Anh | 21.281.324.768 | 17.725.502.432 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Dệt Kim Đông Phương | 14.415.837.709 | 16.108.511.958 |
| Supreme International LLC | 13.347.934.265 | 28.395.768.750 |
| Công ty TNHH Quế Hương | 11.581.826.913 | 14.968.047.390 |
| Các khách hàng khác | 253.914.888.018 | 270.803.017.417 |
| | 314.541.811.673 | 348.000.847.947 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---|-------------------|-----------------|
| <i>Công ty liên doanh</i> | | |
| Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên doanh | 1.627.634.279 | 7.066.053.134 |
| <i>Các bên liên quan khác</i> | | |
| Công ty TNHH Một Thành viên Dệt Kim Đông Phương | 14.415.837.709 | 16.108.511.958 |
| Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú | 4.475.493.993 | 9.235.336.971 |
| Công ty Cổ phần May Nhà Bè | 25.234.000 | 450.788.250 |

Khoản thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Biến động dự phòng các khoản nợ khó đòi trong năm như sau:

| | 2018 VND | 2017 VND |
|----------------|-------------|---------------|
| Số dư đầu năm | 273.667.757 | 471.567.430 |
| Hoàn nhập | - | (197.899.673) |
| Số dư cuối năm | 273.667.757 | 273.667.757 |

8. Phải thu khác

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Cổ tức phải thu | 2.630.922.000 | 1.708.922.000 |
| Lợi nhuận được phân phối phải thu | 8.010.347.150 | 3.074.152.442 |
| Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan | 12.463.521 | 14.287.564 |
| Tạm ứng | 164.000.000 | 279.221.679 |
| Lãi tiền gửi phải thu | 480.042.770 | 42.508.086 |
| Phải thu khác | 1.854.864.007 | 1.564.531.220 |
| | 13.152.639.448 | 6.683.622.991 |

Cổ tức và lợi nhuận được phân phối phải thu và phải thu khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo yêu cầu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 6.794.651.395 | - | 6.075.836.391 | - |
| Nguyên vật liệu | 134.961.221.846 | 837.017.536 | 72.835.396.263 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 110.834.536 | - | 93.488.677 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 57.126.161.192 | - | 61.697.230.939 | - |
| Thành phẩm | 225.801.287.032 | 5.306.508.392 | 227.399.784.841 | 2.026.416.200 |
| Hàng hóa | 410.559.450 | - | 509.004.097 | - |
| Hàng gửi đi bán | 13.664.516.278 | - | 17.396.298.232 | - |
| | 438.869.231.729 | 6.143.525.928 | 386.007.039.440 | 2.026.416.200 |

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2018 VND | 2017 VND |
|----------------|---------------|---------------|
| Số dư đầu năm | 2.026.416.200 | 1.782.969.809 |
| Tăng trong năm | 4.117.109.728 | 243.446.391 |
| Số dư cuối năm | 6.143.525.928 | 2.026.416.200 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------------|----------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 211.603.399.192 | 1.283.052.813.503 | 12.852.111.860 | 616.538.364 | 1.508.124.862.919 |
| Tăng trong năm | - | 1.139.579.666 | 125.454.545 | - | 1.265.034.211 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 1.423.935.000 | 81.191.403.857 | 1.393.942.657 | - | 84.009.281.514 |
| Thanh lý | (1.328.691.172) | (28.323.667.326) | - | - | (29.652.358.498) |
| Số dư cuối năm | 211.698.643.020 | 1.337.060.129.700 | 14.371.509.062 | 616.538.364 | 1.563.746.820.146 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 118.481.713.964 | 736.067.838.850 | 8.745.347.350 | 556.038.344 | 863.850.938.508 |
| Khấu hao trong năm | 10.756.581.956 | 100.995.319.211 | 994.070.284 | 51.750.018 | 112.797.721.469 |
| Thanh lý | (703.585.681) | (27.156.471.818) | - | - | (27.860.057.499) |
| Số dư cuối năm | 128.534.710.239 | 809.906.686.243 | 9.739.417.634 | 607.788.362 | 948.788.602.478 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 93.121.685.228 | 546.984.974.653 | 4.106.764.510 | 60.500.020 | 644.273.924.411 |
| Số dư cuối năm | 83.163.932.781 | 527.153.443.457 | 4.632.091.428 | 8.750.002 | 614.958.217.668 |

26

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 348.424 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 354.627 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 400.282 triệu VND (1/1/2018: 402.797 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 19).

11. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy vi tính VND |
|---------------------------------|--------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 1.139.772.808 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 998.106.147 |
| Khấu hao trong năm | 49.999.998 |
| Số dư cuối năm | 1.048.106.145 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 141.666.661 |
| Số dư cuối năm | 91.666.663 |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 889 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 889 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

| | Nhà cửa VND |
|---------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 70.468.849.375 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 30.983.263.245 |
| Khấu hao trong năm | 3.040.836.898 |
| Số dư cuối năm | 34.024.100.143 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 39.485.586.130 |
| Số dư cuối năm | 36.444.749.232 |

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Bao gồm trong bất động sản đầu tư có các tài sản cố nguyên giá 23.663 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 23.663 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---|-------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 8.780.515.000 | 2.661.750.000 |
| Tăng trong năm | 92.803.498.672 | 34.813.626.539 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (84.009.281.514) | (28.694.861.539) |
| Số dư cuối năm | 17.574.732.158 | 8.780.515.000 |
| Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau: | | |
| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
| Bộ ghép sợi | - | 8.512.875.000 |
| Dự án nâng cấp nhà máy | 12.496.080.000 | 267.640.000 |
| Khác | 5.078.652.158 | - |
| | 17.574.732.158 | 8.780.515.000 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTPC và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2018 | | | | 1/1/2018 | | | |
|--|------------|----------|--------------------|--------------------|---------------|----------|--------------------|--------------------|
| | Số lượng | % sở hữu | % quyền biểu quyết | % quyền biểu quyết | Số lượng | % sở hữu | % quyền biểu quyết | % quyền biểu quyết |
| Dầu tư góp vốn vào: Công ty liên doanh | | | | | | | | |
| • Công ty TNHH Việt Thắng Luch I | - | 50,00% | 50,00% | 50,00% | 9.414.183.350 | - | 50,00% | 50,00% |
| Công ty liên kết | | | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh | 900.000 | 20,00% | 20,00% | 20,00% | - | - | - | - |
| | | | | | 9.414.183.350 | - | 10.573.795.991 | - |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |
| | | | | | 900.000 | 20,00% | 20,00% | 20,00% |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |
| | | | | | 9.414.183.350 | - | 10.573.795.991 | - |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTPC và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 31/12/2018 | | | | 1/1/2018 | | | |
|--------------------------------------|------------|----------|--------------------|--------------------|----------------|----------|--------------------|--------------------|
| | Số lượng | % sở hữu | % quyền biểu quyết | % quyền biểu quyết | Số lượng | % sở hữu | % quyền biểu quyết | % quyền biểu quyết |
| Đơn vị khác | | | | | | | | |
| • Công ty TNHH Dệt Việt Phú | - | 12,00% | - | - | - | - | - | - |
| • Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng | - | 18,29% | - | - | - | - | - | - |
| • Công ty Cổ phần Phong Việt | 100.000 | 10,00% | - | - | 100.000 | 10,00% | - | - |
| | | | | | | | | |
| | | | | | 3.600.000.000 | - | 3.600.000.000 | - |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |
| | | | | | 3.150.000.000 | - | 3.150.000.000 | - |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |
| | | | | | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |
| | | | | | 100.000 | 10,00% | 10,00% | 10,00% |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |
| | | | | | 7.750.000.000 | - | 7.750.000.000 | - |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |
| | | | | | 17.164.183.350 | - | 18.323.795.991 | - |
| | | | | | (*) | (*) | (*) | (*) |

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hay Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết và công ty liên doanh như sau:

| | Tổng tài sản tại ngày 31/12/2018 VND | Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2018 VND | Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018 VND | Lợi nhuận sau thuế 2018 VND |
|--|---|--|--|--------------------------------------|
| Công ty liên doanh | | | | |
| Công ty TNHH Việt Thắng Luch I | 81.118.412.262 | 62.290.045.563 | 18.828.366.699 | 2.680.774.718 |
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh | 15.534.117.757 | 23.560.656.451 | (8.026.538.694) | 3.870.763.609 |

| | Tổng tài sản tại ngày 1/1/2018 VND | Tổng nợ phải trả tại ngày 1/1/2018 VND | Vốn chủ sở hữu tại ngày 1/1/2018 VND | Lợi nhuận sau thuế 2017 VND |
|--|---|--|--|--------------------------------------|
| Công ty liên doanh | | | | |
| Công ty TNHH Việt Thắng Luch I | 78.137.732.961 | 56.990.140.979 | 21.147.591.982 | 1.729.652.879 |
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh | 19.123.127.704 | 31.020.430.007 | (11.897.302.303) | 91.825.123.197 |

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---|-----------------|----------------|
| Số dư đầu năm | 10.573.795.991 | 10.396.914.986 |
| Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết | 1.340.387.359 | 176.881.005 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | (1.000.000.000) | - |
| Cổ tức đã nhận | (1.500.000.000) | - |
| Số dư cuối năm | 9.414.183.350 | 10.573.795.991 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí bảo trì VND | Khác VND | Tổng VND |
|-------------------|------------------------------|------------------------|-----------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 9.159.746.879 | 14.065.712.373 | 1.663.012.001 | 24.888.471.253 |
| Tăng trong năm | 3.390.522.704 | 7.544.073.290 | 1.208.221.546 | 12.142.817.540 |
| Thanh lý | (475.527.678) | - | - | (475.527.678) |
| Phân bổ trong năm | (5.915.049.067) | (7.994.082.328) | (1.671.117.191) | (15.580.248.586) |
| Số dư cuối năm | 6.159.692.838 | 13.615.703.335 | 1.200.116.356 | 20.975.512.529 |

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | 31/12/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND | 1/1/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND |
|------------------------------------|---|---|
| Công ty TNHH Dệt Việt Phú | 20.291.443.761 | 26.273.688.329 |
| Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng | 9.535.375.097 | 9.048.337.620 |
| Các nhà cung cấp khác | 64.528.837.749 | 57.223.182.260 |
| | 94.355.656.607 | 92.545.208.209 |

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

| | 31/12/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND | 1/1/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND |
|----------|---|---|
| Ngắn hạn | 94.355.656.607 | 92.545.208.209 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) **Phải trả người bán là các bên liên quan**

| | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
|------------------------------------|--|--|
| | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND |
| <i>Các bên liên quan khác</i> | | |
| Công ty TNHH Dệt Việt Phú | 20.291.443.761 | 26.273.688.329 |
| Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng | 9.535.375.097 | 9.048.337.620 |

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên doanh và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2018 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Phân loại lại | 31/12/2018 |
|----------------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 4.832.772.899 | 97.264.668.290 | (101.099.505.910) | - | 997.935.279 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.818.381.786 | 26.150.672.579 | (25.213.690.834) | (416.723.665) | 5.338.639.866 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 53.811.728 | 2.479.215.493 | (2.406.395.650) | - | 126.631.571 |
| Thuế tài nguyên | 13.782.600 | 245.056.379 | (245.445.779) | - | 13.393.200 |
| Tiền thuê đất | 869.973.541 | 12.849.799.877 | (13.719.773.418) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | 49.056.442 | (49.056.442) | - | - |
| | 10.588.722.554 | 139.038.469.060 | (142.733.868.033) | (416.723.665) | 6.476.599.916 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả khác

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Hỗ trợ thương mại từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*) | 46.703.337.278 | - |
| Hỗ trợ thương mại từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*) | 30.554.806.737 | - |
| Kinh phí công đoàn | 678.711.375 | 833.276.551 |
| Cổ tức phải trả | 1.013.373.125 | 682.079.375 |
| Các khoản phải trả khác | 3.234.382.285 | 2.460.334.812 |
| | 82.184.610.800 | 3.975.690.738 |

(*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Công ty không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND | Biến động trong năm | | 31/12/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND |
|---|---|---------------------|---------------------|---|
| | | Tăng VND | Giảm VND | |
| Vay ngắn hạn | 552.718.056.555 | 1.538.386.364.992 | (1.626.319.155.668) | 464.785.265.879 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b)) | 30.335.536.417 | 57.981.791.633 | (29.190.097.117) | 59.127.230.933 |
| | 583.053.592.972 | 1.596.368.156.625 | (1.655.509.252.785) | 523.912.496.812 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---|-----------|--------------|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i) | | | | |
| Khoản vay 1 | VND | 5,6% - 6,0% | 147.281.633.488 | 278.912.931.354 |
| Khoản vay 2 | USD | 2,9% - 3,6% | 46.620.110.879 | 26.072.636.682 |
| Khoản vay 3 | USD | 2,4% - 3,5% | 42.098.734.904 | 23.810.928.191 |
| Khoản vay 4 | USD | 2,4% - 3,5% | 16.603.139.814 | 17.051.250.000 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii) | | | | |
| Khoản vay 5 | VND | 5,5% - 5,8% | 127.759.234.346 | - |
| Ngân hàng ANZ (iii) | | | | |
| Khoản vay 6 | USD | 2,2% | - | 19.972.419.224 |
| Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (iii) | | | | |
| Khoản vay 7 | USD | 1,9% | - | 11.271.905.918 |
| Khoản vay 8 | VND | 4,7% | - | 7.741.879.072 |
| Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii) | | | | |
| Khoản vay 9 | USD | 2,0% | - | 54.213.778.464 |
| Khoản vay 10 | VND | 5,0% - 5,3% | 40.856.211.313 | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii) | | | | |
| Khoản vay 11 | USD | 3,4% | - | 29.202.540.944 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh (iii) | | | | |
| Khoản vay 12 | USD | 3,4% | 25.533.401.985 | 26.494.686.950 |
| Ngân hàng ChinaTrust Commercial Bank – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii) | | | | |
| Khoản vay 13 | USD | 4,8% | - | 45.422.932.559 |
| Ngân hàng Standard Chartered (iii) | | | | |
| Khoản vay 14 | VND | 2,7% | 14.946.987.627 | 10.503.176.684 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (iii) | | | | |
| Khoản vay 15 | USD | 3,4% | 3.085.811.523 | 2.046.990.513 |
| | | | 464.785.265.879 | 552.718.056.555 |

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 221.223 triệu VND (1/1/2018: 179.690 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.219 triệu VND (1/1/2018: 4.482 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (iii) Các khoản vay ngân hàng này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

| | | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND | | |
|--|-----------|-------------------|------------------|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn | | 150.842.664.262 | 134.880.192.816 | | |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a)) | | (59.127.230.933) | (30.335.536.417) | | |
| Hoàn trả sau 12 tháng | | 91.715.433.329 | 104.544.656.399 | | |
| Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau: | | | | | |
| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i) | | | | | |
| Khoản vay 1 | USD | 4,1% | 2022 | 16.633.762.624 | 49.575.213.480 |
| Khoản vay 2 | USD | 5,14% | 2025 | 26.794.659.701 | - |
| Khoản vay 3 | USD | 4,0% | 2021 | 5.886.992.084 | 9.799.773.972 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii) | | | | | |
| Khoản vay 4 | USD | 4,0% | 2020 | 101.527.249.853 | 66.272.525.000 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii) | | | | | |
| Khoản vay 5 | VND | 10,5% | 2020 | - | 9.232.680.364 |
| | | | | 150.842.664.262 | 134.880.192.816 |

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 43.845 triệu VND (1/1/2018: 49.382 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 129.995 triệu VND (1/1/2018: 150.984 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (iii) Khoản vay này đã được tất toán trong năm nay.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 10.755.848.698 | 7.665.039.437 |
| Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm | 12.065.770.586 | 12.015.665.855 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (15.563.527.933) | (8.905.957.829) |
| Giảm khác | - | (18.898.765) |
| Số dư cuối năm | 7.258.091.351 | 10.755.848.698 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cổ đông không kiểm soát VND | Tổng VND |
|--|----------------------------------|---|--|---|--|---------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 210.000.000.000 | 3.062.727.273 | 67.727.440.187 | 272.785.481.312 | 71.242.471.852 | 624.818.120.624 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 86.966.712.846 | 3.357.277.400 | 90.323.990.246 |
| Phân bổ vào các quỹ | - | - | 1.769.018.798 | (1.769.018.798) | - | - |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | (11.469.937.070) | (545.728.785) | (12.015.665.855) |
| Cổ tức | - | - | - | - | (230.075.000) | (230.075.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | 210.000.000.000 | 3.062.727.273 | 69.496.458.985 | 346.513.238.290 | 73.823.945.467 | 702.896.370.015 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 96.737.773.471 | 5.756.595.609 | 102.494.369.080 |
| Phân bổ vào các quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | (10.308.491.939) | (1.757.278.647) | (12.065.770.586) |
| Phân bổ vào các quỹ khen thưởng và phúc lợi của công ty liên doanh và liên kết | - | - | - | (1.000.000.000) | - | (1.000.000.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 23) | - | - | - | (52.500.000.000) | (3.732.687.500) | (56.232.687.500) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 210.000.000.000 | 3.062.727.273 | 69.496.458.985 | 379.442.519.822 | 74.090.574.929 | 736.092.281.009 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|---|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 21.000.000 | 210.000.000.000 | 21.000.000 | 210.000.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông | 21.000.000 | 210.000.000.000 | 21.000.000 | 210.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông | 21.000.000 | 210.000.000.000 | 21.000.000 | 210.000.000.000 |

Các cổ đông của Công ty như sau:

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|---------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 9.855.000 | 98.550.000.000 | 9.855.000 | 98.550.000.000 |
| Các cổ đông khác | 11.145.000 | 111.450.000.000 | 11.145.000 | 111.450.000.000 |
| | 21.000.000 | 210.000.000.000 | 21.000.000 | 210.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2018 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017. Khoản cổ tức này đã được thông qua theo nghị quyết số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 2.541.593.904 | 2.799.262.800 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 988.917.808 | 2.417.390.640 |
| Sau năm năm | 7.514.325.196 | 10.050.824.400 |
| | 11.044.836.908 | 15.267.477.840 |

(b) Ngoại tệ

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|-----|------------|--------------------|-----------|--------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 451.062 | 10.488.800.121 | 100.455 | 2.275.144.719 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|-----------------------|------------------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 46.339.000.000 | 77.744.000.000 |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 32.121.642.337 | 95.472.261.200 |
| | <u>78.460.642.337</u> | <u>173.216.261.200</u> |

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2018 VND | 2017 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán thành phẩm | 1.759.272.776.773 | 1.832.773.770.562 |
| ▪ Bán hàng hóa | 472.105.111.541 | 578.506.721.277 |
| ▪ Cung cấp dịch vụ | 54.346.006.285 | 78.405.609.366 |
| ▪ Bán phế liệu | 24.353.336.582 | 26.434.574.973 |
| ▪ Cho thuê bất động sản đầu tư | 25.305.939.000 | 17.859.983.452 |
| | <u>2.335.383.170.181</u> | <u>2.533.980.659.630</u> |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (2.045.400.659) | (1.511.284.242) |
| ▪ Chiết khấu thương mại | (1.281.912.981) | (1.120.505.175) |
| ▪ Giảm giá hàng bán | - | (826.981.944) |
| | <u>(3.327.313.640)</u> | <u>(3.458.771.361)</u> |
| Doanh thu thuần | <u>2.332.055.856.541</u> | <u>2.530.521.888.269</u> |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán của: | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 1.522.263.958.508 | 1.579.078.372.822 |
| ▪ Hàng hoá đã bán | 458.459.048.861 | 573.642.214.067 |
| ▪ Dịch vụ đã cung ứng | 49.583.570.699 | 69.230.313.968 |
| ▪ Phế liệu đã bán | 22.916.931.807 | 25.176.497.002 |
| ▪ Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê | 9.632.869.901 | 5.324.556.125 |
| ▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 4.117.109.728 | 243.446.391 |
| | <u>2.066.973.489.504</u> | <u>2.252.695.400.375</u> |

28. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi | 5.231.910.057 | 4.980.486.163 |
| Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán | 1.915.081.438 | 1.504.382.731 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 1.509.697.984 | 4.396.928.075 |
| Thu nhập từ cổ tức | 678.000.000 | 678.000.000 |
| | <u>9.334.689.479</u> | <u>11.559.796.969</u> |

29. Chi phí tài chính

| | 2018 VND | 2017 VND |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 33.081.469.621 | 30.101.247.264 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 8.609.090.896 | 2.069.176.843 |
| | <u>41.690.560.517</u> | <u>32.170.424.107</u> |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí bán hàng

| | 2018 VND | 2017 VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.415.730.953 | 2.430.907.778 |
| Chi phí nhân viên | 4.903.876.098 | 5.869.350.175 |
| Hoa hồng | 4.704.116.330 | 14.247.021.493 |
| Chi phí vận chuyển | 2.380.667.152 | 21.469.061.270 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 1.321.972.869 | 1.253.346.417 |
| Chi phí công cụ và dụng cụ | 326.474.737 | 927.007.576 |
| Chi phí bán hàng khác | 5.705.467.867 | 6.050.231.956 |
| | 23.758.306.006 | 52.246.926.665 |

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2018 VND | 2017 VND |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 46.365.224.318 | 48.464.057.738 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 14.679.553.887 | 16.274.180.707 |
| Chi phí thuê, phí và lệ phí | 5.512.629.165 | 13.975.497.164 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 3.468.585.773 | 1.548.703.058 |
| Chi phí công cụ và dụng cụ | 1.644.663.394 | 1.999.951.603 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | (197.899.673) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 13.736.413.154 | 18.229.481.002 |
| | 85.407.069.691 | 100.293.971.599 |

32. Thu nhập khác

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi do thanh lý tài sản cố định | 1.550.565.916 | 2.119.300.000 |
| Thu nhập khác | 2.742.167.199 | 6.006.987.788 |
| | 4.292.733.115 | 8.126.287.788 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2018 VND | 2017 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất | 1.540.429.169.752 | 1.639.754.250.894 |
| Chi phí nhân công | 280.197.321.253 | 314.253.437.120 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 115.888.558.365 | 115.207.486.109 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác | 264.690.535.365 | 245.593.081.095 |

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2018 VND | 2017 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Chi phí thuế hiện hành | 26.150.672.579 | 22.584.058.365 |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | (848.784.932) | - |
| | 25.301.887.647 | 22.584.058.365 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2018 VND | 2017 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 127.796.256.727 | 112.908.048.611 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 25.559.251.345 | 22.581.609.722 |
| Ưu đãi thuế | (464.603.754) | (239.000.000) |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 525.530.056 | 412.424.844 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (318.290.000) | (170.976.201) |
| | 25.301.887.647 | 22.584.058.365 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 96.737.773.471 | 86.966.712.846 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (ngân sách) | (9.673.777.347) | (10.308.491.939) |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 87.063.996.124 | 76.658.220.907 |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2018 | 2017 |
|---|------------|------------|
| Số cổ phiếu đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 | 21.000.000 | 21.000.000 |

36. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---|---------------|---------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán | 2.354.138.098 | 1.711.448.713 |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|-----------------|
| | 2018 VND | 2017 VND |
| Công ty liên doanh | | |
| Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I | | |
| Thu nhập cho thuê | 1.213.983.692 | 1.005.120.000 |
| Bán thành phẩm | 3.274.473.755 | 4.300.229.668 |
| Thu nhập khác | 2.567.265.765 | 3.074.902.433 |
| Thu nhập lãi cho vay | 263.654.384 | 334.196.767 |
| Phí dịch vụ khác | 260.821.440 | 316.459.540 |
| Hàng hóa giữ hộ | 1.447.679.172 | 441.320.013 |
| Cho vay | 13.720.000.000 | 12.250.000.000 |
| Phân phối cổ tức | 347.250.000 | 520.875.000 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty TNHH Dệt Việt Phú | | |
| Bán thành phẩm và hàng hóa | 266.633.702.721 | 219.657.376.467 |
| Bán hơi | 4.882.597.176 | 6.358.115.598 |
| Thu nhập cho thuê | 5.914.827.272 | 5.574.054.544 |
| Thu nhập khác | 3.217.372.073 | 4.158.926.917 |
| Mua hàng hóa | 751.719.485.582 | 689.015.136.991 |
| Thu nhập cổ tức | - | 63.168.416 |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 100.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương | | |
| Bán thành phẩm | 118.848.279.465 | 70.427.118.782 |
| Mua hàng hóa | 22.798.134.946 | 25.191.774.843 |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú | | |
| Bán thành phẩm | 37.465.424.109 | 17.697.711.520 |
| Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP | | |
| Bán thành phẩm | 2.057.953.450 | 3.382.619.470 |
| Doanh thu gia công | - | 20.300.350 |
| Thu nhập cổ tức | 358.096.000 | - |
| Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang - CTCP | | |
| Bán thành phẩm | 656.535.905 | - |

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|---------------|
| | 2018 VND | 2017 VND |
| Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng | | |
| Bán thành phẩm | - | 150.345.418 |
| Mua dịch vụ gia công | 24.833.884.860 | - |
| Phân phối cổ tức | 378.000.000 | 378.000.000 |
| Bán tài sản cố định và công cụ | 1.413.232.318 | - |
| Vay | 24.470.000.000 | - |
| Phải thu khác | 11.163.433 | - |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam | | |
| Phân phối cổ tức | 24.637.500.000 | - |
| Phí chuyên môn | - | 409.000.000 |
| Tổng Công ty May 10 - CTCP | | |
| Bán thành phẩm | 1.075.730.620 | - |
| Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý | | |
| Lương và thưởng | 7.735.929.547 | 6.842.560.586 |

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 8 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN 2018

TP. HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN ĐỨC KHIÊM



TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, P.Linh Trung Q.Thủ Đức, TP HCM

Điện thoại : (84 – 8) 3896 9337 – 3896 0542 – 3896 0543

Fax: (84 – 8) 3896 9319

Website: www.vietthang.com.vn

Email: vietthang@vietthang.com.vn